CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 09 **Ngày 01 tháng 02 năm 2013**

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

05-01-2013 - Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố; Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2013. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

28-12-2012 - Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 10. 45

28-12-2012 - Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 10. 53

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

26-11-2012 - Quyết định số 6015/QĐ-UBND về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè đến năm 2020. 64

04-12-2012 - Quyết định số 6179/QĐ-UBND về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 đến năm 2020, tỷ lệ 1/5.000. 90

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2013/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố; Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2013

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2013 và Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 11044/SKHĐT-TH ngày 24 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố, chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2013.

Điều 2. Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trực thuộc thành phố quản lý căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch, Chương trình công tác này để xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, nhằm thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội thành phố và ngân sách thành phố, chương trình công tác năm 2013 đạt hiệu quả cao nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trực thuộc thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2013

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Năm 2013 là năm thứ 3 triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015. Thành phố tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, phát huy tiềm năng, thế mạnh, tích cực triển khai và kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ, phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, *nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm phát triển bền vững, tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố 5 năm 2011 - 2015 và Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập. Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.*

Để triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 29 tháng 11 năm 2012 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2013; Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2013, Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán, phân bổ ngân sách thành phố năm 2013;

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và

doanh nghiệp trực thuộc thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ và những giải pháp chủ yếu sau:

I. TĂNG CƯỜNG ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỀM CHẾ LẠM PHÁT

1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố chủ trì:

a) Triển khai thực hiện chính sách tiền tệ của Trung ương để kiềm chế lạm phát, bảo đảm giá trị tiền đồng Việt Nam, tăng dần dự trữ ngoại hối. Theo dõi biến động lãi suất trên thị trường, báo cáo đề xuất Ngân hàng Nhà nước các chính sách điều chỉnh mặt bằng lãi suất hợp lý. Bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn vốn và dư nợ tín dụng trong hệ thống ngân hàng; kiểm soát chặt chẽ việc cho vay kinh doanh bất động sản và chứng khoán.

b) Theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ quá trình thực hiện tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính trên địa bàn nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng tín dụng, duy trì sự an toàn, ổn định của hệ thống. Tập trung chỉ đạo kiểm tra, giám sát các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện các giải pháp về tiền tệ, tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đảm bảo đáp ứng kịp thời nguồn vốn tín dụng phục vụ nhu cầu sản xuất - kinh doanh.

c) Theo dõi sát diễn biến giá vàng, ngoại tệ; kịp thời tổng hợp, đánh giá tình hình, phối hợp với cơ quan chức năng tăng cường quản lý, theo dõi và xử lý nghiêm các hoạt động kinh doanh vàng, thu đổi ngoại tệ trái pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều hành dự toán thu chi ngân sách thành phố năm 2013; tham mưu các nội dung thuộc lĩnh vực tài chính phục vụ các buổi giao ban của Ủy ban nhân dân thành phố với Bộ Tài chính, các Bộ - ngành Trung ương. Tăng cường quản lý chi tiêu ngân sách và tài sản công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở tất cả các ngành, các cấp. Tiếp tục triển khai việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị hành chính sự nghiệp theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP. Tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách năm 2012; xây dựng, phân bổ dự toán ngân sách năm 2014.

b) Thực hiện nghiêm túc chế độ công khai dự toán, quyết toán của các đơn vị sử dụng ngân sách, của từng cấp ngân sách; công khai các quỹ huy động đóng góp của nhân dân, công khai tài chính ngân sách nhà nước, các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước… để tăng cường quyền giám sát của các đoàn thể xã hội, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm phát hiện và ngăn chặn những sai phạm, tiêu cực trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước.

c) Nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các cơ chế chính sách về nghĩa vụ tài chính để khuyến khích xã hội hóa đối với lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Rà soát tình hình thực hiện các khoản thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố.

d) Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg đã được phê duyệt; tổ chức công tác hậu kiểm về thực hiện sắp xếp nhà đất.

đ) Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác quản lý giá: tiếp tục triển khai đăng ký giá, kê khai giá đối với danh mục các nhóm mặt hàng thuộc diện bình ổn giá và các nhóm mặt hàng, dịch vụ do nhà nước định giá; theo dõi diễn biến tình hình giá cả thị trường, kịp thời nắm thông tin thị trường về giá, báo cáo đề xuất các biện pháp quản lý nhà nước với Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân thành phố; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về giá. Tiếp tục rà soát, giới thiệu mặt bằng cho các đơn vị tham gia chương trình bình ổn thị trường thành phố để phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ.

e) Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hướng dẫn quản lý sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập đã được nhà nước xác định giá trị tài sản và giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thành phố và các sở - ban - ngành, quận - huyện:

a) Tập trung rà soát, phân loại, sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét bố trí kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2013 nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố. Bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả và tiết kiệm theo đúng quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách Nhà nước và Trái phiếu Chính phủ; Chỉ thị số 12/2012/CT-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách Nhà nước và Trái phiếu Chính phủ trên địa bàn thành phố.

b) Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá việc thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Lập kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư năm 2013. Tiếp tục nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về giám sát đánh giá đầu tư trên địa bàn thành phố theo quy định tại Nghị định số 113/2009/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát đánh giá đầu tư và Thông tư số 13/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định biểu mẫu báo cáo giám sát đánh giá đầu tư.

4. Cục Thuế chủ trì:

a) Nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý và phối hợp hoạt động giữa các cơ quan có liên quan trong việc hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế. Tăng cường đối thoại doanh nghiệp tại Cục Thuế và các Chi Cục Thuế, giải quyết kịp thời các vướng mắc của người nộp thuế; đa dạng các phương pháp, hình thức tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế.

b) Hướng dẫn thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế trong năm 2013.

c) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế; thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề doanh nghiệp hoạt động liên kết; theo chuyên ngành; kiểm tra liên ngành trong việc kiểm soát bình ổn giá.

d) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả đề án Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020.

5. Sở Công Thương chủ trì:

a) Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phân tích, dự báo, theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các yếu tố ảnh hưởng tới giá cả hàng hóa, đặc biệt trong các dịp lễ, Tết để kịp thời áp dụng các biện pháp điều tiết cung - cầu và bình ổn thị trường, nhất là những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá; đảm bảo cung ứng hàng hóa thiết yếu cho bà con vùng ngoại thành, vùng xa trung tâm thành phố.

b) Phối hợp Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình bình ổn thị trường nhằm bảo đảm ổn định thị trường giá cả; tổ chức triển khai cho các doanh nghiệp đăng ký giá một số mặt hàng quan trọng; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giá, đầu cơ, buôn lậu, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" đảm bảo thực chất, có hiệu quả. Đẩy mạnh thực thi Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

II. TẬP TRUNG THÁO GỠ KHÓ KHĂN, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố chủ trì:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện các biện pháp phù hợp hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn tín dụng với lãi suất hợp lý; tiết kiệm chi phí để giảm lãi suất cho vay, từng bước thu hẹp lãi suất huy động và cho vay. Thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác giữa ngân hàng với doanh nghiệp trong hỗ trợ vay vốn.

b) Chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên vốn tín dụng cho sản xuất hàng xuất khẩu, nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, các dự án hiệu quả; tăng hạn mức tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn và cho hộ nông dân vay tín chấp; mở rộng tín dụng cho vay mua nhà, khuyến khích các tổ chức tín dụng liên kết với chủ dự án để cung cấp tín dụng dài hạn cho người có nhu cầu mua nhà để ở.

c) Chủ động tham gia nghiên cứu, góp ý Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoàn thiện Đề án xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng để sớm triển khai thực hiện.

2. Sở Công Thương chủ trì:

Tham mưu xây dựng và triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp; tổ chức giao lưu trực tuyến thường kỳ giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp để tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì:

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 33/2011/QĐUB ngày 28 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu; nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế sử dụng công cụ tài chính này làm đòn bẩy để hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện đầu tư đổi mới trang bị, mở rộng sản xuất theo đúng định hướng, góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

4. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư chủ trì:

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai Chương trình xúc tiến xuất khẩu vào các thị trường Campuchia, Myanmar, Lào. Tổ chức đoàn doanh nghiệp đi xúc tiến thương mại - đầu tư - du lịch tại Đức và Nhật. Phối hợp với các Hiệp hội ngành nghề và các tổ chức hỗ trợ thương mại nước ngoài tổ chức chương trình xúc tiến xuất khẩu và phát triển sản phẩm mới của các ngành hàng quan trọng.

b) Xây dựng hệ thống thông tin xúc tiến đầu tư trong nước; tổ chức các hội thảo nhằm tăng cường xúc tiến đầu tư vào thành phố Hồ Chí Minh; hỗ trợ các địa phương kêu gọi đầu tư và giới thiệu các nhà đầu tư thành phố tham gia các dự án có triển vọng phát triển trong phạm vi cả nước. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập kinh tế quốc tế, tìm hiểu thị trường thế giới; tăng cường khả năng cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp trong nước trên trường quốc tế. Nâng cao chất lượng hoạt động kết nối doanh nghiệp với khách hàng quốc tế (match-making), tăng

cường thông tin về nhu cầu giao thương giữa các doanh nghiệp nước ngoài với các doanh nghiệp thành phố.

c) Tăng cường công tác đối thoại, tháo gỡ khó khăn trực tiếp và qua mạng cho doanh nghiệp; Tiếp tục cung cấp các thông tin về thương mại và đầu tư, các báo cáo về thị trường, ngành hàng chính xác và tin cậy phục vụ cộng đồng doanh nghiệp.

d) Tổ chức các "Phiên chợ hàng Việt" và các hoạt động xây dựng, quảng bá thương hiệu của doanh nghiệp Việt Nam tại các khu vực dân cư ở ngoại thành, khu chế xuất, khu công nghiệp và các tỉnh thành lân cận trong và ngoài nước nhằm đưa hàng Việt có chất lượng cao đến trực tiếp người tiêu dùng với giá cả phù hợp.

III. ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC GẮN VỚI TÁI CƠ CẤU NỀN KINH TẾ, CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

a) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các hình thức đầu tư xã hội hóa; báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải pháp nhằm tạo cơ chế, chính sách thông thoáng, thu hút vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Rà soát, đề xuất các dự án có khả năng thu hồi vốn đầu tư để triển khai thực hiện các hình thức đầu tư xã hội hóa thích hợp như BOT, BTO, BOO, BT; đồng thời rà soát và đề xuất danh mục các dự án chuyển đổi sang hình thức PPP trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) Tiếp tục thực hiện hợp tác với Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ, Diễn đàn Hợp tác kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh, thành đồng bằng sông Cửu Long, Vùng Đông Nam bộ, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nhằm thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế - xã hội kết hợp an ninh, quốc phòng trên địa bàn thành phố, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng Tây Nam bộ thời kỳ 2011 - 2020 theo Kết luận số 27-KL/TW ngày 02 tháng 8 năm 2012 và Kết luận số 28-KL/TW ngày 14 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị.

c) Tổ chức rà soát, điều chỉnh, triển khai lập và công bố quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và phê duyệt các quy hoạch còn thiếu; rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch đã lạc hậu. Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

d) Phối hợp các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức rà soát, kiểm tra tình hình triển khai các dự án đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng chậm triển khai, chủ đầu tư không đủ năng lực để thu hồi hoặc chuyển giao cho chủ đầu tư khác; chủ động xử lý theo thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các nhà đầu tư thực hiện nhanh chóng, hiệu quả.

đ) Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án thí điểm định mức kinh phí giải quyết hồ sơ đăng ký kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động, đảm bảo việc giải quyết hồ sơ đăng ký kinh doanh kịp thời, nhanh chóng; tăng cường triển khai kết nối mạng thông tin với các sở - ngành.

e) Tiếp tục cung cấp thông tin đăng ký kinh doanh cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu, cập nhật thông tin để theo dõi xử lý vi phạm của doanh nghiệp. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và cơ quan thuế kiểm tra và xử lý các doanh nghiệp không hoạt động tại trụ sở theo đăng ký, thực hiện công tác kiểm tra sau đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

g) Phối hợp Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư - thương mại - du lịch năm 2013. Xây dựng và công bố các chương trình, dự án cần thu hút đầu tư. Tiếp tục thực hiện chương trình mở rộng hợp tác đầu tư có hiệu quả với các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước.

2. Sở Công Thương chủ trì:

a) Thực hiện Chương trình đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống chợ truyền thống tại các quận trung tâm. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Chương trình phát triển các dịch vụ kinh doanh trực tuyến. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý hệ thống phân phối bán buôn - bán lẻ hiện đại, phù hợp cam kết và lộ trình tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

b) Phối hợp Cục Hải quan xây dựng kế hoạch, cơ chế, chính sách để cơ cấu lại sản phẩm xuất khẩu và tập trung việc sản xuất hàng xuất khẩu có trọng điểm, hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu theo phương thức giao hàng tại kho ngoại quan. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn hàng nhằm chống nhập lậu, gian lận thương mại.

c) Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại; củng cố, mở rộng hoạt động của các cơ quan xúc tiến thương mại tại nước ngoài.

d) Phối hợp Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp điều chỉnh quy

hoạch các khu công nghiệp, khu chế xuất và cụm công nghiệp trên địa bàn theo hướng chuyên môn hóa và hợp tác hóa. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chuyên ngành.

đ) Phối hợp Ban Quản lý Khu Công nghệ cao đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghệ cao thành phố.

e) Phối hợp Sở Y tế phát triển công nghiệp sản xuất dược liệu, bào chế thuốc…, ưu tiên phát triển sản xuất các loại thuốc sử dụng nguyên liệu từ thiên nhiên sẵn có tại Việt Nam; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ lĩnh vực hóa dược, lĩnh vực công nghiệp chế biến thực phẩm và lĩnh vực nông nghiệp.

g) Phối hợp Tổng Công ty Điện lực thành phố đảm bảo cung cấp đầy đủ, ổn định, liên tục nguồn điện cho nhu cầu sản xuất - kinh doanh. Áp dụng công nghệ tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu và năng lượng trong sản xuất công nghiệp, khuyến khích phát triển các ngành tiết kiệm năng lượng, ít gây ô nhiễm môi trường.

3. Ban Quản lý đổi mới doanh nghiệp chủ trì:

a) Nghiên cứu, đề xuất quy trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

b) Công khai, minh bạch thủ tục trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 của thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì:

a) Phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng, triển khai kế hoạch phát triển dịch vụ viễn thông, internet, nội dung số, trong đó tập trung đẩy mạnh dịch vụ gia công, xử lý, quản lý dữ liệu từ xa cho khách hàng trong nước và quốc tế; phát triển mạnh các loại dịch vụ kinh doanh trực tuyến, thương mại điện tử; phát triển dịch vụ tư vấn giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin cho cộng đồng; phát triển dịch vụ viễn thông theo hướng băng thông rộng đa dạng hóa dịch vụ giá trị gia tăng theo công nghệ hội tụ.

b) Hoàn thiện và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ phục vụ xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành, trong đó ưu tiên tập trung triển khai hệ thống thông tin doanh nghiệp, thông tin người nộp thuế và thông tin xuất - nhập khẩu.

c) Xây dựng Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin thành phố đến năm 2025 nhằm hoàn chỉnh kiến trúc công nghệ thông tin tổng thể cho toàn thành phố, tạo định hướng vững chắc trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

d) Nghiên cứu và đề xuất triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý theo mô hình hợp tác công - tư (PPP). Lập và trình phê duyệt, triển khai các chương trình lớn như: đảm bảo an toàn an ninh thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, trong doanh nghiệp; GIS trong quản lý nhà nước...

đ) Triển khai các chương trình nhánh của Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông thành phố giai đoạn 2011 - 2015 phục vụ Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng của thành phố và Đề án đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin - truyền thông.

e) Triển khai các giải pháp chính sách đột phá phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và thu hút đầu tư vào các khu công nghệ thông tin tập trung. Tăng cường hợp tác quốc tế thu hút các tập đoàn công nghệ thông tin lớn trên thế giới đầu tư vào chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin tại thành phố.

g) Tăng cường hợp tác với các viện, trường, cơ sở nghiên cứu về công nghệ thông tin trong nước để ưu tiên đầu tư nghiên cứu, mua các sản phẩm mới từ nghiên cứu, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì:

a) Tiếp tục phối hợp với các sở - ngành, quận - huyện tiếp tục khoanh vùng sản xuất nông nghiệp ổn định đến năm 2020, 2025. Hoàn thành và triển khai các quy hoạch chuyên ngành (chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi và các quy hoạch về nông thôn mới) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của người dân nông thôn.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình, chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị và các chương trình mục tiêu phát triển bò sữa, rau an toàn, hoa cây kiểng, cá sấu, nuôi thủy sản... giai đoạn 2011 - 2015 theo quy hoạch đã được phê duyệt. Hình thành các vùng sản xuất chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến và hệ thống phân phối, tiêu thụ.

c) Tăng cường tính liên kết giữa các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thành phố với các tỉnh trong vùng để xây dựng "Chuỗi thực phẩm an toàn" tại các vùng nguyên liệu nhằm cung cấp thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng của thành phố. Phối hợp với

Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao và các huyện để triển khai lập thủ tục đầu tư thêm 2 - 3 Khu Nông nghiệp công nghệ cao theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Tập trung các giải pháp hỗ trợ nông dân đồng bộ từ hoạt động khuyến nông, hỗ trợ vay vốn, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng phương án chuyển đổi phù hợp với đặc điểm của địa phương; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm gắn chặt với phát triển kinh tế hợp tác, đảm bảo nâng cao thu nhập cho người nông dân. Tổ chức, sắp xếp lại hệ thống khuyến nông theo hướng gắn liền người sản xuất - cán bộ khuyến nông - nhà doanh nghiệp.

đ) Tập trung chỉ đạo công tác tưới tiêu, phòng, chống úng hạn; ứng dụng công nghệ sinh học; tăng cường công tác quản lý, kiểm định giống; củng cố hệ thống quản lý kiểm tra chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, cây lâm nghiệp, vật tư nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện đồng bộ công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và dịch hại trên cây trồng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; quản lý chặt chẽ hoạt động giết mổ gia súc; tăng cường kiểm tra, kiểm soát các sản phẩm động vật từ các tỉnh đưa về thành phố và các sản phẩm động vật đông lạnh nhập khẩu đưa về tiêu thụ tại thành phố.

e) Tiếp tục triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, tư vấn và xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, website cho các đơn vị sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm; đẩy mạnh việc hợp tác với các siêu thị và các doanh nghiệp khác để giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của thành phố.

g) Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch của Ủy ban ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về nông nghiệp - nông dân - nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Sở Tài chính chủ trì:

Thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các doanh nghiệp thua lỗ (mất vốn). Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu tại các doanh nghiệp theo đúng quy định.

IV. QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG:

1. Sở Xây dựng chủ trì:

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2011 - 2015 và các Chương trình phát triển nhà ở; thường xuyên nghiên cứu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, thành phố nhằm hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích chủ đầu tư tham gia xây dựng nhà ở phục vụ an sinh xã hội.

b) Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn chỉnh việc xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành cấp phép xây dựng trên địa bàn. Phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các quận - huyện liên quan nghiên cứu xây dựng thiết kế đô thị một số tuyến đường để triển khai đăng ký cấp phép xây dựng.

c) Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác cấp phép xây dựng năm 2013 tại các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng, hướng dẫn các quận - huyện giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác cấp phép xây dựng.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện và kiên quyết ngăn chặn, xử lý triệt để các vi phạm xây dựng. Kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính trong cấp phép xây dựng, thẩm định dự án, góp phần kéo giảm các vi phạm. Lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra định kỳ các nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố.

đ) Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển thị trường bất động sản giai đoạn 2011 - 2015, tăng cường vai trò của nhà nước trong việc định hướng, kiểm soát và điều tiết để thị trường này phát triển lành mạnh, ổn định. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Đề cương Đề án Quỹ tín thác đầu tư bất động sản tại thành phố.

e) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành Quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện quyết định việc mua bán, điều chuyển, cân đối, quản lý, sử dụng nhà, đất tái định cư và Quy chế quản lý, sử dụng quỹ nhà ở tái định cư trên địa bàn thành phố.

g) Thực hiện rà soát các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản; đánh giá, phân loại và đề xuất giải pháp xử lý phù hợp, trong đó quy định rõ tiêu chí, danh mục các dự án được phép tiếp tục trển khai, các dự án tạm dừng triển khai.

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì:

a) Phối hợp với các sở - ngành hướng dẫn áp dụng Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 về Quy

định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết.

b) Đẩy nhanh tiến độ rà soát, đánh giá tình hình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch phân khu 1/2000, cập nhật thông tin các dự án đầu tư trên địa bàn các quận - huyện. Thành lập Tổ công tác liên ngành thực hiện rà soát, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt. Rà soát và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức lập các quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị cấp 1, cấp 2 phù hợp với Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố đến năm 2025.

c) Phối hợp với các đơn vị đẩy mạnh công tác hướng dẫn, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, công tác quản lý đô thị theo quy hoạch. Rà soát, đánh giá hiệu quả, tính khả thi và năng lực của nhà đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch của từng dự án sử dụng đất để xử lý, giải quyết dứt điểm tình trạng dự án "treo" theo nguyên tắc, lộ trình quy định tại Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Sở Giao thông vận tải chủ trì:

a) Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống tàu điện ngầm nội đô và hệ thống đường sắt đô thị, xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng các cầu vượt kết cấu bằng thép,

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 24 tháng 08 năm 2011 của Chính phủ về tăng cường thực hiện các giải pháp trọng tâm bảo đảm trật tự an toàn giao thông và Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 14 tháng 05 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020. Tổ chức sơ kết, đánh giá 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015; đề xuất giải pháp trọng tâm cho giai đoạn 2013 - 2015.

c) Triển khai thực hiện Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn 2012 - 2020. Cải thiện cơ sở hạ tầng vận tải hành khách công cộng. Thực hiện các biện pháp nhằm sử dụng có hiệu quả kinh phí trợ giá xe buýt, nâng cao năng suất phương tiện và chất lượng phục vụ hành khách.

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, di dời các cảng biển. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cảng trên địa bàn thành phố.

4. Tổng Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Cấp nước Sài Gòn chủ trì:

a) Thực hiện kế hoạch điều tiết sản lượng từ các nhà máy nước, thực hiện điều áp trên mạng lưới nhằm tiếp nhận nguồn nước mới từ nhà máy nước Kênh Đông với hiệu quả cao, tăng sản lượng tiêu thụ, giảm thiểu sử dụng nước ngầm.

b) Triển khai kế hoạch giảm thất thoát nước thông qua thực hiện các dự án hợp tác đầu tư giảm thất thoát nước vùng 3, 4, 5, 6.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng kế hoạch mở rộng phát triển mạng lưới cấp nước tại các khu vực sử dụng nước ở khu vực nông thôn.

5. Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập nước chủ trì:

a) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015. Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước tại khu vực trung tâm thành phố; theo dõi, quản lý, kiểm soát các điểm ngập đã được xóa do mưa và do triều, không để tái ngập và ngăn chặn không để phát sinh điểm ngập mới. Tổ chức đánh giá, sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015.

b) Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng hoàn thành đề cương, nhiệm vụ và dự toán của Quy hoạch mạng lưới hồ điều tiết phân tán để giảm ngập úng trên địa bàn thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

6. Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm chủ trì:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận 2 tiếp nhận bàn giao, tiếp nhận và quản lý diện tích đất đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; đưa vào triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật chính và một số công trình trọng điểm của Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

b) Đôn đốc, hướng dẫn và tạo điều kiện để các nhà đầu tư đã có chủ trương đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án. Kêu gọi đầu tư xây dựng một số trường học, khu văn hóa theo quy hoạch với hình thức xã hội hóa.

c) Hoàn tất việc nghiên cứu đề xuất và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Triển khai rộng rãi công tác xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia thực hiện các dự án xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm theo mục tiêu quy hoạch được duyệt.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì:

a) Thực hiện cáp quang hóa và ngầm hóa đường cáp để đảm bảo chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị. Triển khai thực hiện đề án dùng chung hạ tầng viễn thông, đưa vào sử dụng tổng đài tiếp nhận thông tin về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị.

b) Xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch hạ tầng Viễn thông thụ động bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong đầu tư xây dựng và thuận tiện cho việc thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông và cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông trong quy hoạch xây dựng công trình giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì:

a) Tham mưu kiện toàn bộ máy Ban Chỉ đạo phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh thành phố. Phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng quy chế làm việc của Ban chỉ đạo và chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020.

b) Phối hợp với các sở - ngành, quận - huyện triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược tăng trưởng xanh.

V. BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI, PHÚC LỢI XÃ HỘI VÀ CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì:

a) Phát triển hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm mang tính chuyên nghiệp, đa dạng hóa các kênh giao dịch tạo điều kiện cho các giao dịch giữa người lao động và người sử dụng lao động đạt kết quả cao; kết hợp xây dựng mạng lưới thông tin, thu thập cơ sở dữ liệu, dự báo thị trường lao động nhằm phục vụ cho việc định hướng nghề nghiệp, nhu cầu phát triển của cơ sở sản xuất kinh doanh cũng như hoạch định các chính sách thị trường lao động. Tăng cường tổ chức các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động.

b) Tổ chức triển khai, thông tin, tuyên truyền hướng dẫn và phổ biến những quy định của pháp luật lao động cho các doanh nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng

mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ gắn với triển khai, đẩy mạnh tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án cho vay vốn việc làm với lãi suất thấp thông qua Quỹ quốc gia về việc làm, đồng thời phải đảm bảo cho vay đúng mục đích, đúng đối tượng; đẩy nhanh tiến độ giải ngân cho vay giải quyết việc làm.

d) Phối hợp với các đơn vị có liên quan đưa lao động sang làm việc tại các thị trường hiện có và các thị trường mới, nhất là các thị trường có thu nhập cao và an toàn; theo dõi chặt chẽ tình hình lao động làm việc ở nước ngoài; bảo vệ quyền lợi người lao động, đồng thời xử lý kịp thời những vi phạm kỷ luật của người lao động làm ảnh hưởng đến thị trường; theo dõi, hỗ trợ và phát huy lực lượng lao động này khi về nước. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra hoạt động xuất khẩu lao động trên địa bàn. Phối hợp giữa các ngành, các cấp nhằm quản lý các đối tượng lao động là người nước ngoài đang làm việc trên địa bàn thành phố.

đ) Phát triển thêm các chi nhánh tiếp nhận đăng ký bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn thành phố, giải quyết kịp thời các chế độ an sinh xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với lao động bị nghỉ việc, mất việc làm từ các lĩnh vực, các ngành có sức cạnh tranh kém, các doanh nghiệp, lĩnh vực nhà nước bảo hộ trước đây.

e) Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015 kết hợp với triển khai Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011 - 2020 và Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

g) Tuyên truyền khuyến khích các mạnh thường quân giúp đỡ người nghèo. Đẩy mạnh chương trình cho vay vốn, sử dụng hợp lý các nguồn vốn của quỹ hỗ trợ giảm nghèo để người nghèo tự sửa chữa nhà hoặc mua nhà, triển khai lắp đồng hồ nước miễn phí cho người nghèo, triển khai chương trình vệ sinh môi trường nông thôn. Tổ chức thực hiện tốt đề án đào tạo nghề cho lao động thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo… Hỗ trợ miễn giảm học phí và cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo theo quy định; hoàn thiện các chính sách về bảo hiểm y tế, viện phí và khám chữa bệnh để đảm bảo người nghèo được tiếp cận đầy đủ với các dịch vụ y tế; hỗ trợ tiền điện sinh hoạt cho các hộ nghèo; xây nhà tình thương, trợ cấp khó khăn đột xuất cho người nghèo.

h) Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ ưu đãi theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách đối với thanh niên xung phong, chính sách trợ cấp xã hội. Duy trì và phát huy các phong trào vận động đền ơn đáp nghĩa. Tổ chức các chương trình chăm lo vào dịp lễ, tết cho các đối tượng chính sách có công và đối tượng xã hội.

i) Tham mưu thành phố tiếp tục triển khai các chương trình, đề án về nghề công tác xã hội; người lang thang xin ăn; người cao tuổi; người khuyết tật; đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng bảo trợ xã hội; quy hoạch mạng lưới các cơ sở nuôi dưỡng chăm sóc, tư vấn và cơ sở xã hội cho đối tượng xã hội. Đề xuất thành phố điều chỉnh bổ sung một số chính sách cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức lao động phù hợp thực tế. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chính sách trợ giúp cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, trợ cấp khó khăn cho người bị ngưng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, trợ cấp đột xuất do thiên tai, bão lụt.

2. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao:

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình về bảo vệ trẻ em, cụ thể như Quyết định số 37/2010/QĐ-TTg về quy định tiêu chuẩn phường xã phù hợp với trẻ em, Quyết định số 267/QĐ-TTg phê duyệt chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011 - 2015, Quyết định số 84/2009/QĐ-TTg về phê duyệt kế hoạch quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020, Chương trình "Bạn hữu trẻ em thành phố Hồ Chí Minh" giai đoạn 2012 - 2016, dự án "Tư pháp vị thành niên" năm 2013.

b) Thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, dự án phát triển thanh niên. Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 - 2020; Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011 - 2015; thực hiện các quyền của trẻ em, tạo môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ em. Tạo điều kiện để trẻ em được phát triển toàn diện, ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ xâm hại trẻ em.

c) Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới đến năm 2020; Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015. Thực hiện các giải pháp đảm bảo sự bình đẳng của phụ nữ trong tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội và gia đình. Tăng cường công tác giáo dục truyền thông, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của mọi người dân.

d) Tiếp tục nâng cao chất lượng cai nghiện, nhất là cai nghiện tại các trung tâm cai nghiện; phát triển các mô hình cai nghiện và quản lý sau cai có hiệu quả tại cộng đồng. Tập trung thực hiện các giải pháp đảm bảo việc làm, thu nhập, tái hòa nhập cộng đồng bền vững cho các đối tượng sau cai nghiện, người hoàn lương sau khi được giáo dục tại Trung tâm Phục hồi nhân phẩm.

VI. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì:

a) Tiếp tục triển khai chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 và Kết luận số 51-KL/TW ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Chủ động nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học; đặc biệt quan tâm chất lượng giáo dục ở các quận - huyện ngoại thành. Thực hiện tốt việc đổi mới mô hình phát triển dựa vào chất lượng; chú trọng giáo dục đạo đức; đưa công tác tư vấn vào trường học nhằm kéo giảm tình trạng bạo lực học đường.

b) Tích cực thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn.

c) Phát triển đội ngũ giáo viên nhằm đảm bảo đủ số lượng, đạt chất lượng cho các khoa, các môn ở các cấp học, ngành học. Đấu tranh khắc phục cơ bản các tiêu cực kéo dài trong giáo dục và đào tạo.

d) Điều chỉnh cơ cấu đào tạo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội và Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố giai đoạn 2011 - 2020. Khuyến khích phát triển các hình thức liên kết giữa cơ sở sử dụng lao động và cơ sở đào tạo.

đ) Xây dựng hệ thống trường lớp theo quy hoạch đã được phê duyệt; ưu tiên bố trí vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp mạng lưới trường học ở các quận ven, huyện ngoại thành và các cơ sở đào tạo ngành nghề kỹ thuật cao. Tiếp tục thực hiện đề án di dời các trường đại học, cao đẳng trong khu vực nội thành ra các khu quy hoạch.

e) Phát huy tiềm năng đầu tư của xã hội và các nhà đầu tư nước ngoài; cân đối giữa trường công và trường tư. Bổ sung cơ chế chính sách để các trường huy động vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học hiện đại, đón đầu sự phát triển của xã hội, xu hướng hội nhập thế giới.

g) Tiếp tục thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì:

a) Xây dựng chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ cao, tăng tỷ trọng

đóng góp của công nghiệp công nghệ cao trong GDP của thành phố. Phát triển thị trường công nghệ, đưa Sàn giao dịch công nghệ thử nghiệm hoạt động hiệu quả. Triển khai các chương trình khoa học công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ phục vụ tái cấu trúc doanh nghiệp; nâng cao năng lực nghiên cứu thiết kế, chế tạo và chuyển giao công nghệ, thiết bị mới; hỗ trợ khuyến khích nhập khẩu công nghệ tiên tiến, giải mã, làm chủ và nội địa hóa công nghệ nhập khẩu; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp trong nước và hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; phát triển khoa học dịch vụ hỗ trợ các ngành dịch vụ thành phố dựa trên nền tảng ứng dụng các công nghệ quản lý tiên tiến.

b) Tập trung nghiên cứu lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học quản lý để cung cấp cơ sở khoa học giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc của thành phố, gắn kết tăng trưởng kinh tế với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Hỗ trợ triển khai ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

c) Đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý, chính sách phát triển khoa học - công nghệ: đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư, thí điểm thực hiện hợp đồng mua bán sản phẩm nghiên cứu khoa học; cải tiến thủ tục đầu tư phù hợp với đặc thù của các dự án thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ. Nâng cao tỷ lệ đóng góp của các doanh nghiệp và xã hội hóa thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư cho khoa học - công nghệ như thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ hỗ trợ nhân lực khoa học và công nghệ…

d) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại quận - huyện. Khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong nền kinh tế thị trường. Thúc đẩy hình thành lực lượng doanh nghiệp khoa học công nghệ làm hạt nhân cho sự phát triển khoa học - công nghệ trong tương lai.

đ) Thực hiện các cơ chế, chính sách liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh hợp tác khoa học và công nghệ với các ngành, địa phương và hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ để tăng cường nguồn lực khoa học và công nghệ, tạo bước phát triển đột phá cho hoạt động khoa học - công nghệ thành phố.

3. Sở Y tế chủ trì:

a) Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo tinh thần Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác bảo

vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Chỉ thị số 06-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương về việc củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở và triển khai có hiệu quả Quyết định số 1816/QĐ-BYT ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Bộ Y tế về Đề án[1] "cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh".

b) Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật mới trong công tác điều trị. Tiếp tục cải tiến quy trình tiếp nhận bệnh nhân; điều chỉnh giá của các dịch vụ y tế; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và hỗ trợ người cận nghèo mua thẻ bảo hiểm y tế. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động y học cổ truyền, phối hợp giữa đông - tây y trong công tác điều trị; triển khai đề án xây dựng trung tâm y học cổ truyền thành phố hòa nhập các quốc gia khu vực và thế giới.

c) Thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm sinh và ngăn ngừa mất cân bằng giới tính. Phát triển đội ngũ cán bộ y tế đảm bảo số lượng, chất lượng đào tạo theo mục tiêu đề ra. Có chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ y tế có trình độ cao đến công tác tại vùng sâu, vùng xa như huyện Cần Giờ, huyện Nhà Bè, Bệnh viện Nhân Ái, các đơn vị y tế cơ sở phường - xã, thị trấn.

d) Củng cố, tăng cường phát triển mạng lưới y tế cơ sở và mạng lưới y tế dự phòng, hoàn thiện hệ thống cảnh báo dịch bệnh. Triển khai quyết liệt các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; giám sát chặt chẽ 26 dịch bệnh truyền nhiễm theo quy định của Bộ Y tế.

đ) Tiếp tục triển khai chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng dược phẩm thiết yếu trên địa bàn; tăng cường quản lý nhà nước về sản xuất, nhập khẩu, cung ứng thuốc chữa bệnh; đảm bảo nguồn thuốc dự trữ khi xảy ra các tình huống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh. Phối hợp với Cục Quản lý Dược Việt Nam phát triển công nghiệp sản xuất thuốc, chú trọng sản xuất thuốc từ dược liệu, vắc - xin, sinh phẩm y tế; có kế hoạch bảo tồn nguồn cây thuốc, quy hoạch và phát triển các vùng dược liệu.

e) Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với các lĩnh vực y tế, ưu tiên vốn đầu tư nước ngoài; tập trung triển khai các dự án trọng điểm của ngành, các trung tâm y tế chuyên sâu và bệnh viện ở cửa ngõ thành phố. Hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải, chất thải y tế, bảo đảm vệ sinh môi trường trong các bệnh viện, cơ sở y

[1] Nội dung hỗ trợ đề án gồm: Cấp cứu tim mạch, cấp cứu chống độc, cấp cứu nhi, hồi sức ngoại thần kinh, phẫu thuật chấn thương chỉnh hình, chấn thương sọ não, lồng ngực, răng hàm mặt, mắt, ung thư. Chuẩn hóa phẫu thuật nội soi: Ngoại tổng quát, khớp, niệu, sản, lọc thận nhân tạo, tim mạch can thiệp, phục hồi chức năng; chuẩn hóa chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm và đẩy mạnh xét nghiệm về miễn dịch, điện não.

tế. Tiếp tục xây dựng mạng lưới cấp cứu ngoại viện và mô hình liên kết đào tạo giữa Bệnh viện Nhân dân 115 với Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

VII. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì:

a) Phối hợp với Đài khí tượng thủy văn Nam bộ nâng cao năng lực dự báo thời tiết, khí tượng thủy văn phục vụ cho sản xuất và đời sống người dân. Xây dựng kế hoạch phòng tránh để ứng phó nhanh và hiệu quả với các diễn biến bất thường của thời tiết, hạn chế tối đa các tác động xấu của thiên tai. Tăng cường đầu tư hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và đào tạo nguồn nhân lực làm công tác nghiên cứu, dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu.

b) Rà soát, bổ sung, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên đất. Khắc phục có hiệu quả những yếu kém trong công tác quản lý đất đai. Thực hiện tốt công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý. Tiếp tục giải quyết thu hồi các khu đất sử dụng sai mục đích, khai thác có hiệu quả quỹ đất đô thị phục vụ cho nhu cầu đầu tư của thành phố. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011 - 2015. Thực hiện kết nối tra cứu thông tin đất đai tại các quận - huyện trên trang thông tin điện tử.

c) Thực hiện các chính sách sử dụng và khai thác hiệu quả tài nguyên nước, xử lý cơ bản sự cố môi trường trên các dòng sông. Tiếp tục điều tra, thống kê các nguồn thải, loại chất thải và lượng phát thải ra môi trường nước trên lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương lân cận (Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai) trong việc giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường liên tỉnh. Xây dựng năng lực ứng phó sự cố tràn dầu ở vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai. Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân và đồng vị trong quản lý tài nguyên nước thành phố.

d) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản trên cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Kiểm soát chặt chẽ việc cấp phép và quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản.

đ) Phối hợp với Sở Công Thương đẩy mạnh thực hiện đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2015, chiến lược sản xuất sạch hơn và

chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn. Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TƯ ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn thành phố trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

e) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2011 - 2015. Tăng cường công tác thanh kiểm tra, xử phạt các hành vi gây ảnh hưởng đến môi trường. Thực hiện các biện pháp buộc khắc phục hậu quả và các hình thức xử lý tạm thời. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Tổ chức đánh giá, sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2011 - 2015.

g) Phối hợp với Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các ngành sử dụng công nghệ sạch, giảm chất thải, bảo vệ cải thiện chất lượng môi trường sinh thái. Tiếp tục xây dựng hệ thống quan trắc tự động khu chế xuất, khu công nghiệp. Tích cực phòng ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; giải quyết một bước cơ bản tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp.

h) Tăng cường đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường. Tiếp tục triển khai các dự án xã hội hóa về xử lý rác, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố. Kiểm tra việc xử lý chất thải của các cơ sở thu mua, vận chuyển trên địa bàn thành phố. Phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn, giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn tại các chợ, siêu thị, khu dân cư cao cấp, khu công nghiệp, khu chế xuất.

i) Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC). Triển khai có hiệu quả kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của thành phố đến năm 2015. Tăng cường tuyên truyền phổ biến các kiến thức về biến đổi khí hậu, các hành động phòng tránh khi xảy ra sự cố. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp, dự án giảm thiểu lượng khí nhà kính. Mở rộng hợp tác quốc tế và khu vực về bảo vệ môi trường trong đó có lĩnh vực hợp tác về biến đổi khí hậu.

k) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về chiến lược biển Việt Nam trên địa bàn thành phố; đẩy mạnh việc triển khai đề án "Đánh giá diễn biến mực nước biển, mực nước triều trên các sông lớn thuộc khu vực thành phố và các vùng phụ cận phục vụ quy hoạch phát triển bền vững các ngành kinh tế - xã hội của thành phố". Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án "Thành phố Hồ Chí Minh phát triển hướng ra biển Đông nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu".

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì:

a) Phối hợp các sở - ngành, quận - huyện tiếp tục triển khai thực hiện chương trình Chiến lược phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn thành phố đến năm 2020; kiểm tra phát hiện sớm các sự cố đối với hệ thống đê điều, các công trình thủy lợi; ứng phó kịp thời với mọi tình huống, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn và hỗ trợ nhân dân phục hồi sản xuất sau thiên tai. Đầu tư cải tạo, bảo dưỡng, nâng cấp, đổi mới quản lý các công trình thủy lợi, nâng cao hiệu suất sử dụng của các công trình.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án quy hoạch, bảo vệ, phát triển các loại rừng và mảng xanh thành phố giai đoạn 2011 - 2015 định hướng năm 2020; Chương trình quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; Chương trình quản lý gây nuôi, phát triển, kiểm soát động vật hoang dã; Chương trình phát triển cá sấu giai đoạn 2011 - 2015.

VIII. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG LÃNG PHÍ:

1. Sở Nội vụ chủ trì

a) Tiếp tục triển khai đồng bộ, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" để giải quyết thủ tục hành chính; mở rộng thực hiện cơ chế một cửa liên thông giữa các sở - ngành, giữa sở - ngành với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn. Rà soát, cải tiến quy trình, thủ tục trong nội bộ cơ quan nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí liên quan đến thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

b) Phối hợp với các sở - ngành, quận - huyện triển khai Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, đồng thời tiếp tục thực hiện Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng chính quyền đô thị theo Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố. Đẩy

mạnh phân công, phân cấp trách nhiệm và thẩm quyền trong công tác quản lý nhà nước đồng bộ và phù hợp cho các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn theo hướng xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, từng cấp chính quyền địa phương; kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn. Tổ chức đánh giá, sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015.

c) Phối hợp Sở Giáo dục - Đào tạo, Trường Cán bộ thành phố triển khai thực hiện Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015.

d) Phối hợp Thanh tra thành phố, sở - ngành, quận - huyện tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm soát các đầu mối công việc trong nội bộ cơ quan hành chính. Rà soát, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết công việc của cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu xây dựng bộ máy chính quyền các cấp để giải quyết công việc nhanh, chủ động và từng bước chấm dứt tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc chuyển lên cấp trên.

đ) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục hoàn thiện hệ thống "một cửa điện tử", các hệ thống thông tin, điều hành kinh tế, văn hóa - xã hội, quản lý đô thị và khoa học - công nghệ; tạo luồng thông tin tự động và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008 giai đoạn 2012 - 2013. Hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động của mạng thông tin điện tử chính quyền thành phố. Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin - truyền thông trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân nhằm giải quyết các công việc và phục vụ nhân dân, doanh nghiệp.

2. Sở Tư pháp chủ trì:

a) Xây dựng Chương trình công tác trọng tâm của ngành Tư pháp năm 2013 trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ, quản lý chặt chẽ việc chấp hành kỷ luật hành chính; tạo bước chuyển mạnh trong công tác quản lý, điều hành, cải tiến lề lối làm việc, phân công rõ trách nhiệm trong từng lĩnh vực, công việc chuyên môn; kịp thời xử lý đối với cá nhân, đơn vị có sai phạm.

c) Xây dựng Chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2013; hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được giao chủ trì soạn thảo, góp ý; tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, góp phần xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của thành phố đầy đủ, đồng bộ, khả thi, minh bạch, cụ thể, dễ hiểu, dễ áp dụng và bảo đảm các nguyên tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới - WTO.

d) Triển khai thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tiếp tục tham mưu hoàn thiện thể chế về công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, triển khai các phương thức kiểm tra văn bản theo thẩm quyền và tự kiểm tra văn bản; đánh giá hiệu quả và tiếp tục triển khai phương thức kiểm tra văn bản theo chuyên đề tại cơ quan ban hành văn bản.

đ) Triển khai Luật Giám định tư pháp năm 2012; tiếp tục thực hiện các nội dung của Đề án về giám định tư pháp trên địa bàn thành phố; củng cố đội ngũ giám định viên tư pháp; tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng và người giám định tư pháp.

e) Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020; phối hợp với Hội Công chứng tổ chức hội thảo, tập huấn về nghiệp vụ công chứng tăng cường công tác quản lý nhà nước trong hoạt động công chứng, chứng thực.

g) Triển khai Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012; hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Đề án đổi mới hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và triển khai thực hiện đề án này, tạo sự chuyển biến căn bản về công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố; tập trung phổ biến giáo dục pháp luật đối với những văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, có hiệu lực trong năm 2012 - 2013.

h) Xây dựng, củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ pháp chế tại các Sở, ngành, Tổng Công ty, công ty thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo hướng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng để bổ sung vào nguồn nhân lực trong những năm sắp tới, nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì:

a) Tiếp tục tăng cường triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước, phục vụ công tác cải cách hành chính,

giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tăng cường công tác phòng chống tham nhũng. Trong đó cần tập trung hoàn thành mô hình ứng dụng công nghệ thông tin tại các quận - huyện theo mô hình chung của thành phố, đề xuất được mô hình mới cho giai đoạn 2013 - 2015.

b) Tập trung chỉ đạo nhằm triển khai Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

c) Chuẩn hóa số liệu, phục vụ triển khai liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố giai đoạn 2005 - 2011 và trong thời gian trước. Qua đó tiến hành phân tích, tổng hợp và chia sẻ thông tin nhằm phục vụ cho việc dự báo, định hướng cho phát triển của thành phố.

d) Nâng cấp hoàn chỉnh hệ thống chứng thực điện tử chuyên dùng, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và pháp lý, triển khai nhân rộng cho tất cả các đơn vị làm nền tảng cho việc phát triển chính phủ điện tử.

đ) Hoàn thành nâng cấp trang thông tin điện tử của thành phố và các trang tin điện tử thành viên; triển khai nâng cấp các dịch vụ công lên cấp 3, cấp 4, tiến tới mô hình Chính phủ điện tử hoàn thiện phục vụ cho người dân và doanh nghiệp.

e) Triển khai xây dựng kế hoạch tổng thể đảm bảo an toàn an ninh cho các hệ thống thông tin và các hệ thống dùng chung của thành phố, đồng thời thực hiện chuẩn hóa hạ tầng bao gồm hoàn thiện hệ thống định danh toàn thành phố làm cơ sở nền tảng liên thông kết nối.

g) Ban hành Quy định về quy trình và cơ chế phối hợp thực hiện của Đội ứng cứu an toàn thông tin; Quy chế đảm bảo an toàn thông tin cho cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn thành phố.

h) Nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu nhằm xây dựng kế hoạch đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, công nghệ nguồn mở trong ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

4. Ban chỉ đạo thành phố về phòng, chống tham nhũng chủ trì:

a) Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các cơ quan báo, đài tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, quán triệt và thực hiện các nghị quyết của Đảng, luật pháp của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, đổi mới lề lối làm việc. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc cung cấp

thông tin cho các cơ quan báo chí, không để đưa thông tin sai sự thật, gây dư luận không tốt và hiểu không đúng về tình hình và những nỗ lực phòng, chống tham nhũng của Việt Nam. Thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước. Chú trọng biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các tấm gương liêm chính, dũng cảm tố cáo tham nhũng, tiêu cực, đi đôi với việc bảo vệ người tố cáo tham nhũng.

b) Phối hợp với Thanh tra thành phố, các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ động triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra phòng chống tham nhũng, tăng cường công tác quản lý nhà nước và thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Thanh tra năm 2010, Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành; tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 (giai đoạn 2). Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về minh bạch tài sản, chấp hành các quy định của pháp luật về công tác tổ chức, thực hiện công vụ và phòng, chống tham nhũng.

IX. BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ XÃ HỘI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI:

1. Bộ Tư lệnh thành phố chủ trì:

a) Phối hợp với Công an thành phố thực hiện có hiệu quả Kết luận số 86-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về "*Tăng cường công tác lãnh đạo đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới*". Chủ động trong đấu tranh dư luận, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, các hoạt động móc nối giữa các đối tượng phản động lưu vong và số đối tượng chống đối trong nước; đẩy lùi các luận điệu xuyên tạc, đặc biệt trong các vấn đề về dân chủ, tôn giáo, nhân quyền. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các lực lượng liên quan ngăn chặn vô hiệu hóa các hoạt động phá hoại các ngày lễ lớn.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, triển khai ưu tiên đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình quan trọng, tăng cường giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo lập thế trận lòng dân thực sự vững chắc. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân trong hoàn cảnh mới, triển khai thế trận phòng thủ theo Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về khu vực phòng thủ. Thực hiện tốt quy trình tuyển chọn và giao 4.400 thanh niên nhập ngũ vào quân đội.

c) Phối hợp với sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tham mưu Thành

ủy, Ủy ban nhân dân thành phố về việc cử cán bộ, đối tượng 1, 2 tham dự các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh; tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đối tượng 3, chỉ đạo, theo dõi các quận huyện tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đối tượng 4, 5 và các đối tượng khác theo chỉ tiêu được giao. Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả 3 đề án: Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ thành phố giai đoạn 2011 - 2015, xây dựng Ban chỉ huy quân sự phường - xã - thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2011 - 2015.

2. Công an thành phố chủ trì:

a) Tiếp tục triển khai Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 86-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2010 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05 về "Tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới". Triển khai thực hiện 03 Đề án của Bộ Công an về tăng cường tiềm lực công tác đấu tranh vô hiệu hóa các tổ chức phản động lưu vong người Việt trong tình hình mới của lực lượng an ninh giai đoạn 2010 - 2015.

b) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường công tác bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, an ninh nội bộ, an ninh thông tin, báo chí, xuất bản; ngăn chặn các thế lực thù địch lợi dụng để phá hoại an ninh và văn hóa tư tưởng.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, phát huy, nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự. Triển khai các kế hoạch chuyên đề đấu tranh với từng loại tội phạm có tổ chức, cướp có vũ khí, tội phạm giết người, phòng, chống tội phạm xâm phạm tài sản người nước ngoài tại khu vực trung tâm thành phố; bố trí lực lượng kiểm soát và tuần tra mật phục tại các khu vực, tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp.

d) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; Chương trình phòng, chống tội phạm buôn bán người, Chương trình phòng, chống ma túy; triển khai thực hiện các dự án xây dựng Nhà thi hành án tử hình đúng lộ trình đề ra.

3. Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy chủ trì, phối hợp sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ có hiệu quả trong điều kiện biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục kiến thức và phát động phong

trào toàn dân tham gia phòng cháy và chữa cháy. Xây dựng và triển khai kế hoạch tăng cường các biện pháp phòng cháy, chữa cháy bảo vệ an toàn các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị trọng đại trên địa bàn thành phố. Tổ chức thực tập phương án chữa cháy, nhằm kéo giảm số vụ và thiệt hại do cháy, nổ xảy ra trên địa bàn thành phố. Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án mua sắm, trang bị phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Sở Ngoại vụ chủ trì:

a) Tiếp tục đón tiếp chu đáo và trọng thị các đoàn vào, qua đó, góp phần thắt chặt quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước. Tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm, giao lưu văn hóa, nghệ thuật, xúc tiến đầu tư - thương mại nhằm đánh dấu kỷ niệm năm chẵn, năm tròn trong quan hệ với các nước.

b) Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao kinh tế nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đặc biệt nhằm thu hút nguồn lực phục vụ 06 chương trình trọng điểm phát triển thành phố giai đoạn 2011 - 2015, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng và đào tạo nguồn nhân lực thành phố.

c) Tiếp tục triển khai hiệu quả các thỏa thuận quốc tế đã ký kết. Tăng cường hiệu quả các quan hệ hợp tác đã có và mở rộng hợp tác quốc tế theo phương châm đa dạng hóa đối tác, lĩnh vực hợp tác và chú trọng hiệu quả hợp tác.

d) Đẩy mạnh và chủ động đổi mới phương thức thông tin tuyên truyền đối ngoại nhằm quảng bá hình ảnh thành phố. Triển khai các hoạt động ngoại giao văn hóa hiệu quả và thiết thực nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

đ) Tiếp tục tăng cường quan hệ với các hiệp hội, tổ chức nhân dân các nước; củng cố, mở rộng quan hệ với các đối tác hiện có, nhất là trên lĩnh vực hợp tác phát triển kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, giáo dục; đồng thời xây dựng quan hệ với các đối tác mới; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phi chính phủ nước ngoài.

e) Tiếp tục tìm kiếm phương thức hiệu quả và sáng tạo nhằm thu hút và phát huy nguồn lực, tri thức của kiều bào trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

X. PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC VĂN HÓA, TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN TẠO SỰ ĐỒNG THUẬN XÃ HỘI, PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2013:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì:

a) Tập trung tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ các sự kiện, lễ hội lớn của thành phố nhằm tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của người dân.

b) Tăng cường hoạt động giao lưu văn hóa để quảng bá, xúc tiến du lịch nhằm giới thiệu hình ảnh đất nước con người Việt Nam và người dân thành phố với cộng đồng quốc tế; tiếp tục triển khai chương trình phát triển du lịch đường sông, chương trình dịch vụ đạt tiêu chuẩn và các chương trình nghệ thuật phục vụ du khách; đồng thời, có những giải pháp đấu tranh và ngăn chặn hữu hiệu sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai có nội dung xấu.

c) Tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở" và Chỉ thị số 27-CT/TW về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, góp phần cụ thể hóa Nghị quyết Thành ủy.

d) Tập trung đầu tư những công trình văn hóa trọng điểm mang tính biểu trưng và có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân thành phố; ưu tiên xây dựng mới các thiết chế văn hóa ở khu vực ngoại thành. Thực hiện tốt công tác trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị của các loại hình văn hóa phi vật thể.

đ) Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa. Phát triển mạnh các ngành văn hóa giải trí kết hợp với phát triển du lịch, tiến tới xây dựng thành phố là một trung tâm du lịch nhiều loại hình của cả nước và khu vực; hoàn thiện dự án xây dựng phần mềm quản lý và nhập liệu hiện vật ở các bảo tàng.

e) Tiếp tục tổ chức thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển thể dục thể thao thành phố; với khẩu hiệu: "Khỏe để xây dựng và bảo vệ tổ quốc". Tổ chức tốt các sự kiện thể thao trong năm, đặc biệt là Đại hội thể dục thể thao thành phố, chuẩn bị lực lượng tham dự Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ 7 tại Nam Định năm 2014.

g) Tập trung đầu tư một số bộ môn thể thao trọng điểm; nâng cấp, xây dựng mới và hiện đại hóa cơ sở vật chất, kỹ thuật ở các trung tâm thể dục thể thao; đồng thời nâng cao trình độ tổ chức, quản lý nhằm xây dựng thành phố trở thành trung tâm thể thao thành tích cao, mang tầm khu vực và quốc tế.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì:

a) Tập trung triển khai các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với lĩnh vực báo chí, quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại. Trong đó tập

trung hoàn thành và triển khai thực hiện dự án Quy hoạch phát triển mạng lưới báo chí trên địa bàn thành phố đến năm 2025.

b) Tập trung triển khai các biện pháp quản lý thông tin trên internet, các trang thông tin điện tử tổng hợp...

c) Tập trung chỉ đạo các cơ quan báo, đài thành phố tích cực thông tin, tuyên truyền về các chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, chủ trương và chính sách của Nhà nước, Đảng bộ và chính quyền thành phố về phát triển kinh tế - xã hội nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và công khai, minh bạch cho dư luận trong và ngoài nước, góp phần ổn định và tạo lòng tin của nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch năm 2013.

XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Căn cứ vào Quyết định này, các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố quản lý xây dựng kế hoạch hành động cụ thể của ngành, đơn vị; trong đó quy định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công cụ thể người phụ trách, thực hiện; hàng quý có kiểm điểm, đánh giá tình hình và báo cáo theo quy định. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tham mưu, bố trí để Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố họp thông qua Kế hoạch, chương trình hoạt động năm 2013 của các doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố chậm nhất trong tháng 01 năm 2013.

2. Trong quá trình triển khai kế hoạch, yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố quản lý cần chú ý tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm hoạt động công vụ; tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; thực hiện cơ chế khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh. Chủ động thực hiện việc theo dõi, giám sát để đề xuất chính sách phù hợp, kịp thời và linh hoạt; kiến nghị, đề xuất những giải pháp chỉ đạo, điều hành kịp thời, hiệu quả. Chỉ đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đề cao vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cán bộ và cơ quan nhà nước. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, tập trung chỉ đạo giải quyết những kiến nghị chính đáng của doanh nghiệp và nhân dân.

3. Định kỳ hàng tháng, Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức làm việc với Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc thành phố; hàng quý tổ

chức giao ban, làm việc chuyên đề giải quyết các vấn đề cấp bách, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ, chỉ tiêu và công việc được giao; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 hàng tháng và tháng cuối quý.

4. Sở Nội vụ hướng dẫn thang điểm thi đua và chế độ khen thưởng năm 2013 tương ứng với các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, dự toán thu chi ngân sách và quốc phòng - an ninh của thành phố. Các sở - ban - ngành, quận - huyện tổ chức các phong trào thi đua phù hợp với nội dung Quyết định này.

5. Trước ngày 10 tháng 11 năm 2013, các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các Tổng Công ty, Công ty và các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết, kiểm điểm tình hình thực hiện Kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kết quả thực hiện Quyết định này, đánh giá mức độ hoàn thành của từng cơ quan, đơn vị, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 20 tháng 11 năm 2013.

6. Sở Thông tin và Truyền thông chủ động, phối hợp Ban Tuyên giáo Thành ủy tổ chức quán triệt Quyết định này sâu rộng đến các sở - ban - ngành, địa phương trên địa bàn thành phố; đồng thời phối hợp các cơ quan truyền thông xây dựng, triển khai kế hoạch tăng cường tuyên truyền, thông tin kịp thời, chính xác các nội dung chủ yếu của Quyết định này để cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân hiểu và tích cực hưởng ứng, triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
1	Ban hành Quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ngành, quận - huyện liên quan	Tháng 3/2013	
2	Kế hoạch xúc tiến đầu tư - thương mại - du lịch năm 2013.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Tháng 3/2013	
3	Danh mục các chương trình, dự án cần thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 3/2013	
4	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I; 6 tháng, 9 tháng và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đến cuối năm 2013.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ngành, quận - huyện liên quận	Tháng 3, 6, 9/2013	
5	Ban hành Quy định về định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ngành, quận - huyện liên quan	Tháng 6/2013	
6	Kiện toàn bộ máy Ban Chỉ đạo phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 6/2013	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
7	Thay thế Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ngành, quận - huyện liên quan	Tháng 6/2013	
8	Báo cáo kiểm kiểm đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2011 - 2013; phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm giai đoạn 2013 - 2015.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 6/2013	
9	Chỉ thị về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách thành phố và Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	Tháng 7/2013	
10	Thay thế Quyết định số 31/2009/QĐ-UBND ngày 18/4/2009 của UBND thành phố về phân công, ủy quyền giải quyết một số thủ tục thuộc chức năng quản lý hành chính nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước và các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ngành, quận - huyện liên quan	Tháng 9/2013	
11	Quy định về giám sát, đánh giá đầu tư của thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ngành, quận - huyện liên quan	Tháng 9/2013	Chuyển từ năm 2012.
12	Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2013.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 11/2013	
13	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2013; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 11/2013	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
14	Xây dựng Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 12/2013	
15	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách nhà nước định kỳ (quý, 6 tháng, 9 tháng, ước cả năm 2013)	Sở Tài chính	Sở - ban - ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Hàng quý/2013	
16	Quy chế phối hợp Ban chỉ đạo di dời theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị	Sở Tài chính	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Quy hoạch Kiến trúc; Sở Xây dựng	Tháng 6/2013	
17	Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2012.	Sở Tài chính	Sở - ban - ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 10/2013	
18	Quyết định giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách thành phố năm 2014.	Sở Tài chính	Sở - ban - ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 12/2013	
19	Đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý hệ thống phân phối bán buôn - bán lẻ hiện đại phù hợp cam kết và lộ trình gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới.	Sở Công thương	Các sở - ngành liên quan	Tháng 12/2013	Chuyển từ năm 2012.
20	Đề án bố trí cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn huyện Củ Chi đến năm 2020.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	Tháng 9/2013	
21	Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố đến năm 2015.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 02/2013	
22	Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu của thành phố năm 2013.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 3/2013	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
23	Báo cáo sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2011 - 2015	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở - ngành, quận - huyện	Tháng 6/2013	
24	Sửa đổi Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20/12/2008 của UBND Thành phố về thu phí vệ sinh và chi phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thương trên địa bàn thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 12/2013	Chuyển từ năm 2012.
25	Chương trình phát triển khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Tổng Công ty	Tháng 6/2013	
26	Xây dựng Quy chế giải thưởng Sáng tạo Kỹ thuật TP.HCM giai đoạn 2013 - 2020.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Tổ chức Hội thi, các sở - ngành liên quan	Tháng 6/2013	
27	Chương trình phát triển các sản phẩm trọng điểm của thành phố thuộc lĩnh vực công nghệ cao được nhà nước khuyến khích đến năm 2020.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, BQL Khu Công nghệ cao, BQL Khu Nông nghiệp công nghệ cao	Tháng 6/2013	
28	Chương trình phát triển hệ thống doanh nghiệp khoa học - công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.	Tháng 6/2013	Chuyển từ năm 2012.
29	Kế hoạch thực hiện các mục tiêu về an toàn vệ sinh lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia 2013 của thành phố.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở - ban - ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 3/2013	
30	Đề án Xây dựng Trung tâm y học cổ truyền thành phố, hòa nhập các quốc gia khu vực và quốc tế.	Sở Y tế	Sở Nội vụ	Tháng 6/2013	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
31	Đề án Xây dựng mô hình liên kết trong đào tạo giữa Bệnh viện Nhân dân 115 và Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.	Sở Y tế	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 6/2013	
32	Chương trình củng cố và tăng cường phát triển mạng lưới y tế cơ sở và hệ thống dự phòng thành phố.	Sở Y tế	Sở Nội vụ	Tháng 6/2013	Chuyển từ năm 2012.
33	Đề án Xây dựng mạng lưới cấp cứu ngoại viện Thành phố.	Sở Y tế	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 6/2013	
34	Dự án xây dựng phần mềm quản lý và nhập liệu hiện vật các bảo tàng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, Sở Thông tin Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 6/2013	
35	Chương trình Đại hội thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh lần VII.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở - ngành liên quan	Tháng 6/2013	
36	Chương trình phát triển du lịch đường sông.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở - ngành liên quan	Tháng 6/2013	
37	Chương trình dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ du khách.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở - ngành liên quan	Tháng 6/2013	
38	Chương trình nghệ thuật phục vụ du khách.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở - ngành liên quan	Tháng 6/2013	
39	Đề án đào tạo cán bộ Cảnh sát PC&CC TP đến năm 2015.	Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy	Sở Tài chính, Sở Nội vụ	Tháng 6/2013	
40	Dự án quy hoạch ngành Phòng cháy chữa cháy trên địa bàn TP Hồ Chí Minh đến năm 2025.	Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Tháng 9/2013	Chuyển từ năm 2012.

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
41	Đề án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy, xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố ngang tầm các nước khu vực và trên thế giới.	Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Tháng 9/2013	Chuyển từ năm 2012.
42	Dự án Quy hoạch phát triển mạng lưới báo chí thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành liên quan	Tháng 6/2013	Chuyển từ năm 2012.
43	Chương trình đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành liên quan, các viện, trường, hiệp hội	Tháng 6/2013	
44	Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đến năm 2025.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành liên quan	Tháng 6/2013	
45	Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin thành phố đến năm 2025.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ngành, quận - huyện, các viện, trường, hiệp hội	Tháng 6/2013	
46	Chương trình xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành liên quan	Tháng 6/2013	
47	Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành liên quan	Tháng 6/2013	
48	Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin: - Thành lập Công viên phần mềm Quang Trung thứ 2. - Chương trình phát triển vi mạch điện tử .	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ngành, quận - huyện, các viện, trường, hiệp hội	Tháng 6/2013	
49	Chương trình an toàn, an ninh thông tin.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành liên quan	Tháng 6/2013	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
50	Chương trình truyền thông; nghiên cứu, đề xuất chính sách phát triển ngành thông tin truyền thông thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành liên quan, các báo, đài thành phố	Tháng 6/2013	
51	Đề án quản lý nội dung thông tin trên internet.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban-ngành liên quan	Tháng 6/2013	
52	Quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện được mua bán, điều chuyển, cân đối, quản lý, sử dụng nhà, đất tái định cư.	Sở Xây dựng	Sở - ngành; các quận - huyện.	Tháng 6/2013	
53	Quy chế quản lý, sử dụng quỹ nhà ở tái định cư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	Sở - ngành; các quận - huyện.	Tháng 9/2013	
54	Đề cương Đề án quỹ tín thác Bất động sản tại thành phố.	Sở Xây dựng	Sở - ngành; các quận - huyện.	Tháng 12/2013	
55	Đề án Xây dựng, chuẩn hóa và ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các doanh nghiệp.	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 3/2013	
56	Đề án xác định danh mục sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao, xây dựng chế độ thu thập thông tin và đánh giá kết quả phát triển sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Cục Thống kê	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 3/2013	
57	Chương trình xúc tiến xuất khẩu vào thị trường Myanmar.	Trung tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Các sở - ngành, hội ngành nghề, Đại sứ quán Việt Nam tại Myanmar	Tháng 4/2013	
58	Chương trình xúc tiến xuất khẩu vào thị trường Campuchia.	Trung tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Các sở ngành, hội ngành nghề, Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia	Tháng 4/2013	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
59	Chương trình xúc tiến đầu tư vào thị trường Lào.	Trung tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Các sở - ngành, hội ngành nghề, Đại sứ quán Việt Nam tại Lào	Tháng 6/2013	
60	Đề án liên kết ngành giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.	Viện Nghiên cứu phát triển	Các sở - ngành liên quan	Tháng 12/2013	
61	Đề án phát triển và quản lý đô thị thành phố Hồ Chí Minh.	Viện Nghiên cứu phát triển	Các sở - ngành liên quan	Tháng 12/2013	
62	Đề án thu hút đầu tư vào thành phố Hồ Chí Minh.	Viện Nghiên cứu phát triển	Các sở - ngành liên quan	Tháng 12/2013	
63	Đề án điều tra chất lượng cuộc sống của dân cư thành phố năm 2013 - 2014.	Viện Nghiên cứu phát triển	Các sở - ngành liên quan	Tháng 12/2013	
64	Đề án nghiên cứu tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách cho thành phố.	Viện Nghiên cứu phát triển	Các sở - ngành liên quan	Tháng 12/2013	
65	Quy chế phối hợp thực hiện nhóm thủ tục hành chính áp dụng liên thông: đăng ký khai sinh - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và nhập hộ khẩu; đăng ký khai tử - xóa hộ khẩu do Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị đầu mối tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tư pháp	Sở - ban - ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 3/2013	
66	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển công chứng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2013.	Sở Tư pháp	Hội Công chứng thành phố; các tổ chức hành nghề công chứng	Tháng 3/2013	
67	Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 trên địa bàn thành phố.	Sở Tư pháp	Đoàn Luật sư; Hội Luật gia thành phố	Tháng 6/2013	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
68	Kế hoạch triển khai phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc thành phố giai đoạn 2012 - 2013.	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp	Các Sở - ngành thành viên	Tháng 3/2013	
69	Báo cáo sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015	Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố	Các sở - ngành, UBND các quận - huyện	Tháng 6/2013	
70	Báo cáo sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015	Sở Giao thông vận tải	Các sở - ngành, UBND các quận - huyện	Tháng 6/2013	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2012/QĐ-UBND	*Quận 10, ngày 28 tháng 12 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH 12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-UBDT-BNV ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND ngày 01 tháng 3 năm 2012 về thành lập tổ chức làm công tác dân tộc do Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 4 ban hành;

Căn cứ Quyết định số 14/2010/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2010 của Ủy

ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 10 về việc đổi tên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 10 thành Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 10;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận tại Công văn số 1514/VPUBND ngày 21 tháng 12 năm 2012;

Xét thẩm định của Trưởng Phòng Tư pháp quận tại Công văn số 218/PTP ngày 25 tháng 12 năm 2012;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 10 tại Tờ trình số 753/TTr- PNV ngày 26 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 10.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 10.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường thuộc quận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 10

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận 10)

Chương I
VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 10 (sau đây gọi tắt là Văn phòng) là cơ quan chuyên môn, bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; được cấp kinh phí hoạt động, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Chức năng

Văn phòng có chức năng tham mưu tổng hợp giúp Ủy ban nhân dân quận về hoạt động của Ủy ban nhân dân quận; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Ủy ban nhân dân quận.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt

động, báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân quận và các báo cáo khác của Ủy ban nhân dân quận theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

2. Chuẩn bị các báo cáo phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật. Thực hiện công tác thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất được giao theo quy định của pháp luật;

3. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận thông qua và giúp Ủy ban nhân dân quận kiểm tra, đôn đốc, tổng kết việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận;

4. Theo dõi, nắm tình hình hoạt động chung của Ủy ban nhân dân quận; tổ chức việc thu thập, tổng hợp và cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; chịu trách nhiệm rà soát trình tự thủ tục, thể thức văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định;

5. Giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân quận với Thường trực Quận ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể quận và các cơ quan, tổ chức khác đóng trên địa bàn quận;

6. Tổ chức công bố, truyền đạt các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân quận; các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có liên quan. Giúp Ủy ban nhân dân quận phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó;

7. Quản lý thống nhất việc ban hành văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc theo quy định pháp luật; công tác công văn, giấy tờ, văn thư, hành chính, lưu trữ, tin học hóa quản lý hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi của Văn phòng;

8. Chủ trì và phối hợp với Phòng Nội vụ quận và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân quận, phường;

9. Trình Ủy ban nhân dân quận chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi của Văn phòng;

10. Giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận các đơn thư tố cáo - khiếu nại theo quy định;

11. Tổ chức các phiên họp, buổi làm việc, tiếp khách và các hoạt động của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Ủy ban nhân dân quận theo quy định;

12. Tham dự và ghi biên bản các phiên họp của Ủy ban nhân dân quận; tổng hợp, thông tin, báo cáo kết luận của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận đó;

13. Quản lý tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật được giao theo quy định của pháp luật;

14. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Văn phòng có Chánh Văn phòng, không quá 03 Phó Chánh Văn phòng và các công chức khác.

a) Chánh Văn phòng là người đứng đầu cơ quan Văn phòng, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng.

b) Phó Chánh Văn phòng là người giúp Chánh Văn phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Văn phòng vắng mặt, một Phó Chánh Văn phòng được Chánh Văn phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác Văn phòng phải là những người có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, theo dõi; được áp dụng chế độ, chính sách đãi ngộ theo quy định của pháp luật; được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực công chức, Văn phòng tổ chức thành các bộ phận gồm:

- Tổ Tiếp công dân;

- Tổ Tiếp nhận và trả kết quả;

- Tổ Tổng hợp;

- Tổ Kế toán - Tài vụ - Quản trị;

- Tổ Hành chính - Văn thư - Lưu trữ;

- Tổ Tin học;

- Tổ Bảo vệ.

Tùy theo quy mô hoạt động, tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Văn phòng có thể bố trí công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Văn phòng, phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

4. Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu công tác dân tộc của địa phương, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận phân công một Phó Chánh Văn phòng phụ trách công tác dân tộc và bố trí số lượng công chức chuyên trách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác dân tộc của địa phương, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận phụ trách, điều hành các hoạt động của Văn phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Văn phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Văn phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Văn phòng khác, các Phó Chánh Văn phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Văn phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí giữa các Phó Chánh Văn phòng hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Chánh Văn phòng trực tiếp yêu cầu chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Văn phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Văn phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

3. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động của Văn phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:

Văn phòng chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối với Văn phòng Quận ủy:

Văn phòng phối hợp với Văn phòng Quận ủy xây dựng chương trình làm việc, lịch công tác, cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quận ủy.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Văn phòng chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Văn phòng tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Văn phòng có trách nhiệm quan hệ phối hợp thường xuyên với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng để nắm bắt và cung cấp các thông tin có liên quan đến chỉ đạo điều hành hoạt động của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện Quy chế phối hợp theo quy định của pháp luật.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Văn phòng có quan hệ chặt chẽ với Ủy ban nhân dân phường; đôn đốc việc thực hiện các quyết định, chỉ thị và các chủ trương của Ủy ban nhân dân quận; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường về nghiệp vụ hành chính đảm bảo sự thống nhất trên địa bàn quận theo quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Văn phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng sau khi được Ủy ban nhân dân quận ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, hoặc cần bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp, Chánh Văn phòng đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết sau khi trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ quận 10./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2012/QĐ-UBND	*Quận 10, ngày 28 tháng 12 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Thông tư số 06/2008/TT-BNV ngày 21 tháng 8 năm 2008 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục III Phần I Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 04/2011/TT-BNV ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn bổ sung nhiệm vụ, tổ chức và biên chế của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện về công tác thanh niên;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận - huyện;

Căn cứ Hướng dẫn số 207/HD-SNV ngày 27 tháng 02 năm 2012 của Sở Nội vụ về hướng dẫn việc tổ chức quản lý kho lưu trữ và tài liệu lưu trữ thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện;

Căn cứ Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 10 về việc thành lập Phòng Nội vụ quận 10;

Xét thẩm định của Trưởng Phòng Tư pháp quận tại Công văn số 218/PTP ngày 25 tháng 12 năm 2012;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 10 tại Tờ trình số 752/TTr- PNV ngày 26 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 10.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 10.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường thuộc quận chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 10

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận 10)

Chương I
VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Nội vụ quận 10 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 10.

Phòng Nội vụ quận 10 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận 10; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ.

2. Chức năng:

Phòng Nội vụ quận 10 có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 10 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp Nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cán bộ, công chức phường; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thanh niên; thi đua khen thưởng.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Nội vụ quận 10 có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận 10 các văn bản hướng dẫn về công tác nội vụ trên địa bàn và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân quận 10 ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

4. Về tổ chức, bộ máy:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận 10 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các cơ quan chuyên môn quận 10 theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trình Ủy ban nhân dân quận 10 quyết định hoặc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận 10 trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 10;

c) Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các tổ chức phối hợp liên ngành quận 10 theo quy định của pháp luật.

5. Về quản lý và sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp:

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm;

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp các cơ quan thuộc quận;

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 tổng hợp chung việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp quận 10 và Ủy ban nhân dân 15 phường thuộc Quận 10.

6. Về công tác xây dựng chính quyền:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo phân công của Ủy ban nhân dân quận 10 và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Thực hiện các thủ tục để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 phê chuẩn các chức danh lãnh đạo của Ủy ban nhân dân phường; giúp Ủy ban nhân dân quận 10 trình Ủy ban nhân dân thành phố phê chuẩn các chức danh bầu cử theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 10 xây dựng đề án thành lập mới, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn để Ủy ban nhân dân trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, mốc, chỉ giới, bản đồ địa giới hành chính của quận 10;

d) Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 trong việc hướng dẫn thành lập, giải thể, sáp nhập và kiểm tra, tổng hợp báo cáo về hoạt động của khu phố, tổ dân phố trên địa bàn quận 10 theo quy định; bồi dưỡng công tác cho các chức danh ở khu phố, tổ dân phố.

7. Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 trong việc hướng dẫn, kiểm tra tổng hợp báo cáo việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các phường trên địa bàn quận.

8. Về cán bộ, công chức, viên chức:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận 10 trong việc tuyển dụng, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá; thực hiện chính sách, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức;

b) Thực hiện việc tuyển dụng, quản lý công chức phường và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách phường theo phân cấp.

9. Về cải cách hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 triển khai, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cùng cấp và Ủy ban nhân dân phường thực hiện công tác cải cách hành chính ở địa phương;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 10 về chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn quận 10;

c) Tổng hợp công tác cải cách hành chính ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân quận 10 và thành phố.

10. Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn.

11. Về công tác văn thư, lưu trữ:

a) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận 10 chấp hành chế độ, quy định của pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ;

b) Hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ về thu thập, bảo vệ, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận 10.

c) Tổ chức quản lý kho lưu trữ và tài liệu lưu trữ thuộc Ủy ban nhân dân quận theo quy định pháp luật; được ký xác nhận sao y bản chính các tài liệu, văn bản hiện lưu trữ tại kho lưu trữ quận cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

12. Về công tác tôn giáo:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

13. Về công tác thanh niên:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác thanh niên được giao;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về thanh niên và công tác thanh niên sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên được giao.

14. Về công tác thi đua, khen thưởng:

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân quận 10 tổ chức các phong trào thi đua và triển khai thực hiện chính sách khen thưởng của Đảng và Nhà nước trên địa bàn quận 10; làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận 10;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng trên địa bàn quận; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

15. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về

công tác nội vụ theo thẩm quyền. Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân quận về công tác xử lý các vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức thuộc quận và làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Kỷ luật quận 10;

16. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 và Giám đốc Sở Nội vụ về tình hình, kết quả triển khai công tác nội vụ trên địa bàn.

17. Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về công tác nội vụ trên địa bàn.

18. Quản lý tổ chức, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Nội vụ theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận.

19. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng Nội vụ theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

20. Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường về công tác nội vụ và các lĩnh vực công tác khác được giao trên cơ sở quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận.

Chương III
TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Nội vụ có Trưởng Phòng, các Phó Trưởng Phòng (không quá 03 người) và cán bộ, công chức.

a) Trưởng Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận 10, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10; đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nội vụ về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng Phòng giúp Trưởng Phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân

công. Khi Trưởng Phòng vắng mặt một Phó Trưởng Phòng được Trưởng Phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng Phòng, Phó Trưởng Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về nội vụ trên địa bàn quận 10 được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Nội vụ quận 10 tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Phòng Nội vụ quận 10 có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Nội vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận 10 hàng năm.

Chương IV
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

Trưởng Phòng phụ trách chung, trực tiếp lãnh đạo điều hành các hoạt động của Phòng và những công tác trọng tâm như: tổ chức cán bộ; cải cách hành chính; thực hiện quy chế dân chủ; phòng chống tham nhũng; bảo vệ bí mật nhà nước; khen thưởng, kỷ luật và một số công tác khác tùy theo tình hình nhiệm vụ.

Các Phó Trưởng Phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng Phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh và báo cáo lại Trưởng Phòng.

Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng Phòng khác, Phó Trưởng Phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng Phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng Phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

Trong trường hợp Trưởng Phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng Phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng Phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng Phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng định kỳ họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Nội vụ:

Phòng Nội vụ chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận 10:

Phòng Nội vụ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận 10 về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng Phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc các Phó Chủ tịch và phải thường xuyên báo cáo với thường trực Ủy ban nhân dân quận 10 về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận 10 về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với Ban Tổ chức quận ủy 10:

Phòng Nội vụ phối hợp, bàn bạc với Ban Tổ chức Quận ủy 10 trong việc giải quyết những vấn đề về tổ chức cán bộ thuộc diện quận ủy 10 quản lý theo yêu cầu của Thường trực Ủy ban nhân dân quận 10 (đề bạt, bổ nhiệm, xây dựng kế hoạch, quy hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức); đồng thời thường xuyên liên hệ với Ban Tổ chức quận ủy 10 để nắm được chủ trương của cấp ủy trong từng thời điểm về công tác tổ chức và cán bộ, qua đó có kế hoạch thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận 10:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận 10, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận 10. Trong trường hợp Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Nội vụ tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 xem xét, quyết định.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 10:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 10 có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng Phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận 10 giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

6. Đối với Ủy ban nhân dân 15 phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Nội vụ quận 10 có trách nhiệm cụ

thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm tình hình nhưng không được trái với nội dung Quy chế này.

Điều 9. Trưởng Phòng Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lưu

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 6015/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 699/2002/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển và cải tạo lưới điện thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2002 - 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải khu vực thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 tháng 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng về ban hành hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng";

Căn cứ Thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng ban hành QCXDVN 03:2009/BXD (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị);

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BXD ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2010/BXD (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị);

Căn cứ Thông báo số 236-TB/TU ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch tổng thể cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 6981/QĐ-UB-QLĐT ngày 23 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3751/TTr-SQHKT ngày 09 tháng 11 năm 2012 về trình duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, với các nội dung chính như sau:

(đính kèm hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè)

1. Vị trí và quy mô nghiên cứu:

1.1. Vị trí khu đất quy hoạch: huyện Nhà Bè nằm về phía Nam của thành phố Hồ Chí Minh, có các mặt giáp giới như sau:

- Phía Đông: giáp huyện Long Thành (tỉnh Đồng Nai) và huyện Cần Giờ.

- Phía Tây: giáp huyện Cần Giuộc (tỉnh Long An) và huyện Bình Chánh.

- Phía Nam: giáp huyện Cần Giuộc (tỉnh Long An) và huyện Cần Giờ.

- Phía Bắc: giáp quận 7.

1.2. Quy mô nghiên cứu: 10.055,57 ha.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đồ án:

2.1. Mục tiêu:

- Xác định các khu vực hiện hữu ổn định, khu vực chỉnh trang và khu vực quy hoạch xây dựng mới hợp lý.

- Khai thác hiệu quả quỹ đất xây dựng đảm bảo phát triển kinh tế xã hội bền vững, phù hợp xu hướng phát triển đô thị của huyện.

- Tổ chức các khu ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.

- Phục vụ công tác quản lý quy hoạch xây dựng và đất đai; lập kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị.

- Bảo đảm sự phát triển ổn định, hài hoà, cân đối và bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Nhà Bè.

2.2. Nhiệm vụ của đồ án:

- Tuân thủ theo nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng huyện Nhà Bè được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2007.

- Xác định phương hướng và cơ sở cho từng bước đầu tư xây dựng để hình thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

- Đánh giá tổng hợp các điều kiện hiện trạng tự nhiên, xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Bố cục phân khu chức năng đô thị trên toàn địa bàn theo các giai đoạn quy hoạch, đáp ứng được mục tiêu kinh tế xã hội của huyện.

- Xác định tính chất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, quy mô dân số và quỹ đất phát triển đô thị cho từng giai đoạn phát triển.

- Định hướng phát triển mạng lưới giao thông tạo kết nối giữa huyện Nhà Bè với các khu vực xung quanh, điển hình như khu vực Nam Sài Gòn, quận 7, quận 8 và huyện Bình Chánh.

- Xác lập các pháp lý để quản lý xây dựng đô thị và xác định cơ sở để lập quy hoạch chi tiết, các dự án đầu tư.

3. Tính chất chức năng quy hoạch:

- Huyện Nhà Bè là huyện ngoại thành gắn liền với sản xuất công nghiệp, là nơi dự trữ đất phát triển của thành phố.

- Cơ cấu kinh tế của huyện trong tương lai là: công nghiệp - cảng, thương mại và dịch vụ…, với thế mạnh công nghiệp quy mô lớn gắn liền với hệ thống cảng biển.

- Nơi bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật quan trọng của thành phố về phía Nam.

- Khu dân cư đô thị và một số chức năng đặc biệt của thành phố.

4. Quy mô dân số, cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu vực quy hoạch:

4.1. Quy mô dân số: Dự kiến dân số qua các giai đoạn phát triển:

- Dân số hiện trạng năm 2010 : 104.449 người.

- Dân số dự kiến: + Năm 2015 : 150.00 người.

+ Năm 2020 : 540.00 người.

4.2. Dự kiến phân bố dân cư:

Quy mô dân số trên địa bàn huyện Nhà Bè đến năm 2020 là 540.000 người. Phân bổ theo các khu ở như sau:

STT	Phân khu	Quy hoạch chung duyệt năm 1998		Điều chỉnh quy hoạch chung	
		Diện tích (ha)	Dân số (người)	Diện tích (ha)	Dân số (người)
1	Cụm I (thị trấn Nhà Bè, xã Phú Xuân) - Khu dân cư thị trấn huyện lỵ	1.000	100.000	1.599,75	100.000
2	Cụm II (xã Phước Kiển) - Khu dân cư dọc Hương lộ 34 cũ	700	65.000	1.503,89	130.000

3	Cụm III (đô thị GS) - Khu dân cư ngã ba Nhơn Đức	680	60.000	608,18	50.000
4	Cụm IV (đô thị cảng Hiệp Phước) - Khu dân cư kế cận công nghiệp Hiệp Phước	400	35.000	3.802,19	180.000
5	Cụm V (xã Phước Lộc, một phần xã Nhơn Đức, xã Long Thới) - Các khu vực dân cư nông thôn	500	50.000	2.541,55	80.000
	Tổng cộng	3.280	310.000	10.055,57	540.000

5. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật toàn khu vực quy hoạch:

5.1. Cơ cấu sử dụng đất:

5.1.1. Giai đoạn đến năm 2015:

- Đất dân dụng : 2.106,03 ha, chiếm tỷ lệ 20,94%

Trong đó:

+ Đất ở : 1.268,08 ha, chiếm tỷ lệ 12,61%

Trong đó:

* Đất ở đô thị : 846,8 ha, chiếm tỷ lệ 8,42%

* Đất ở khu vực dịch vụ du lịch : 421,28 ha, chiếm tỷ lệ 4,19%

+ Đất công trình công cộng : 145,89 ha, chiếm tỷ lệ 1,45%

+ Đất cây xanh : 233,64 ha, chiếm tỷ lệ 2,32%

+ Đất giao thông : 458,42 ha, chiếm tỷ lệ 4,56%

- Đất khác trong khu dân dụng : 35,48 ha, chiếm tỷ lệ 0,35%

Trong đó:

+ Đất công cộng cấp thành phố : 27,86 ha, chiếm tỷ lệ 0,28%

+ Đất tôn giá : 7,62 ha, chiếm tỷ lệ: 0,08%

- Đất ngoài dân dụng : 7.914,06 ha, chiếm tỷ lệ 78,7%

Trong đó:

+ Đất sản xuất : 1.059,43 ha, chiếm tỷ lệ 10,54%

(công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp)

+ Đất chuyên dùng : 157,1 ha, chiếm tỷ lệ 1,56%

(kho xăng dầu Nhà Bè)

+ Đất cảng (Nhơn Đức, Hiệp Phước) : 101,48 ha, chiếm tỷ lệ 1,01%

+ Đất giao thông đối ngoại : 144,93 ha, chiếm tỷ lệ 1,44%

+ Đất nghĩa trang : 46,23 ha, chiếm tỷ lệ 0,46%

+ Đất an ninh quốc phòng : 99,07 ha, chiếm tỷ lệ 0,99%

+ Đất trạm điện Nhà Bè : 8,67 ha, chiếm tỷ lệ 0,09%

+ Sông rạch : 2.163,06 ha, chiếm tỷ lệ 21,51%

+ Đất nông thôn : 4.134,09 ha, chiếm tỷ lệ 41,11%

5.1.2. Giai đoạn đến năm 2020:

- Đất dân dụng : 4.487,49 ha, chiếm tỷ lệ 44,63%

Trong đó:

+ Đất ở : 2.634,71 ha, chiếm tỷ lệ 26,2%

Trong đó:

* Đất ở đô thị : 2.002,23 ha, chiếm tỷ lệ 19,91%

* Đất ở khu vực dịch vụ du lịch : 632,48 ha, chiếm tỷ lệ 6,29%

+ Đất công trình công cộng : 320,52 ha, chiếm tỷ lệ 3,19%

+ Đất cây xanh : 667,35 ha, chiếm tỷ lệ 6,64%

+ Đất giao thông : 864,91 ha, chiếm tỷ lệ 8,6%

- Đất khác trong khu dân dụng : 588,65 ha, chiếm tỷ lệ 5,85%

Trong đó:

+ Đất đại học : 116 ha, chiếm tỷ lệ 1,15%

+ Đất y tế kỹ thuật cao : 41,9 ha, chiếm tỷ lệ 0,42%

+ Đất công viên văn hóa du lịch : 166 ha, chiếm tỷ lệ 1,65%

+ Đất cây xanh dự trữ : 229,27 ha, chiếm tỷ lệ 2,28%

+ Đất công cộng cấp thành phố : 27,86 ha, chiếm tỷ lệ 0,28%

+ Đất tôn giáo : 7,62 ha, chiếm tỷ lệ 0,08%

- Đất ngoài dân dụng : 4.979,43 ha, chiếm tỷ lệ 49,52%

Trong đó:

+ Đất sản xuất : 1.088,71 ha, chiếm tỷ lệ 10,83%

(công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp)

+ Đất chuyên dùng : 157,1 ha, chiếm tỷ lệ 1,56%

(kho xăng dầu Nhà Bè)

+ Đất cảng (Nhơn Đức, Hiệp Phước) : 440,44 ha, chiếm tỷ lệ 4,38%

+ Đất công nghiệp và dịch vụ : 376,63 ha, chiếm tỷ lệ 3,75%

+ Đất giao thông đối ngoại : 449,91 ha, chiếm tỷ lệ 4,47%

+ Đất nghĩa trang : 50,00 ha, chiếm tỷ lệ 0,50%

+ Đất hạ tầng kỹ thuật : 40,00 ha, chiếm tỷ lệ 0,40%

+ Đất an ninh quốc phòng : 129,05 ha, chiếm tỷ lệ 1,28%

+ Đất cây xanh cách ly : 274,42 ha, chiếm tỷ lệ 2,73%

+ Sông rạch : 1.773,16 ha, chiếm tỷ lệ 17,63%

+ Đất nông thôn : 20,00 ha, chiếm tỷ lệ 1,99%

5.2. Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật toàn khu vực:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hiện trạng năm 2010	Quy hoạch chung duyệt năm 1998	Nhiệm vụ quy hoạch chung duyệt năm 2007	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung
A	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch toàn khu					
1	- Dân số	người	104.449	300.000 - 400.000	400.000	400.000 - 540.000
	+ Dân số đô thị			350.000	360.000	526.000
	+ Dân số nông thôn			50.000	40.000	14.000
2	- Mật độ dân số	Người/km^2	104	305 - 406	398	398 - 537
3	- Chỉ tiêu đất dân dụng	m^2/người		140 - 190	68 - 78,5	80 - 90
	+ Đô thị	m^2/người				
	+ Nông thôn	m^2/người			157 - 182	157 - 182
	- Đất ở	m^2/người		42 - 56		

	+ Đô thị	m^2/người			40 - 45	45 - 50
	+ Nông thôn	m^2/người			55 - 65	55 - 65
	- Đất công trình công cộng	m^2/người			4 - 5,5	5 - 8
	- Đất cây xanh	m^2/người				
	+ Đô thị	m^2/người			8 - 10	11 - 14
	+ Nông thôn	m^2/người			3 - 5	
	- Đất giao thông đối nội	m^2/người				
	+ Đô thị	m^2/người			16 - 18	16 - 18
	+ Nông thôn	m^2/người			6 - 8	
4	Mật độ xây dựng chung	%				18 - 25
	- Khu nhà ở hiện hữu	%				40 - 50
	- Khu nhà ở mới	%				30 - 35
5	Hệ số sử dụng đất chung					
6	Tầng cao xây dựng	tầng				
	- Tối thiểu					1
	- Tối đa					không hạn chế
B	**Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật**					
1	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày		180	180	180
	+ Đô thị	lít/người/ngày				
	+ Nông thôn	lít/người/ngày				
2	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày		180	180	180
	+ Đô thị	lít/người/ngày				
	+ Nông thôn	lít/người/ngày				
3	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm			2.000	1.200-2.000
	+ Đô thị	kwh/người/năm				
	+ Nông thôn	kwh/người/năm				
4	Tiêu chuẩn rác thải	kg/người/ngày			1,0	1,0
	+ Rác sinh hoạt	kg/người/ngày			1,0	1,0
	+ Rác công nghiệp	tấn/ha/ngày			0,5	0,5

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

6.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

6.1.1. Các đơn vị ở: toàn khu vực quy hoạch được phân chia thành 5 cụm tập trung, được xác định như sau:

- Cụm I: khu vực phía Đông huyện Nhà Bè, giới hạn bởi sông Nhà Bè - Soài Rạp, Mương Chuối, rạch Dơi và sông Phú Xuân, gồm xã Phú Xuân và thị trấn Nhà Bè.

+ Diện tích : 1.599,75 ha.

+ Dân số dự kiến : 100.000 người.

+ Các chỉ tiêu:

* Đất ở : 45 - 50 m^2/người

* Đất công trình công cộng : 6 - 8 m^2/người

* Đất cây xanh : 10 - 12 m^2/người

* Đất giao thông : 20 - 22 m^2/người

Khu dân cư hiện hữu dọc đường Huỳnh Tấn Phát và một phần đường Nguyễn Bình, các khu vực còn lại bố trí khu nhà ở mới với hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh phù hợp với tiêu chuẩn đô thị văn minh hiện đại.

- Cụm II: khu vực phía Bắc huyện Nhà Bè, giới hạn bởi rạch Tắc Bà Phổ, rạch Dơi, rạch Long Kiển, rạch Ông Bốn, rạch Bà Tánh, rạch Cây Khô, rạch Ông Lớn, gồm toàn bộ xã Phước Kiển.

+ Diện tích : 1.503,89 ha.

+ Dân số dự kiến : 130.000 người.

+ Các chỉ tiêu:

* Đất ở : 35 - 40 m^2/người.

* Đất công trình công cộng : 5 - 7 m^2/người.

* Đất cây xanh : 12 - 14 m^2/người.

* Đất giao thông : 14 - 16 m^2/người.

Khu dân cư hiện hữu dọc đường Lê Văn Lương và một phần đường Phạm Hữu Lầu, khu dân cư dọc đường Nguyễ Hữu Thọ chủ yếu là nhà ở cao tầng; các khu vực

còn lại bố trí xen kẽ nhà ở thấp tầng và nhà ở cao tầng có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

- Cụm III: Giới hạn bởi cụm II ở phía Bắc, sông Mương Chuối ở phía Đông, ranh xã Long Thới ở phía Nam, rạch Tôm và rạch Ống Theo, bao gồm một phần xã Nhơn Đức và một phần khu đô thị GS.

+ Diện tích : 608,18 ha

+ Dân số dự kiến : 50.000 người

+ Các chỉ tiêu:

* Đất ở : 35 - 40 m^2/người

* Đất công trình công cộng : 5 - 7 m^2/người

* Đất cây xanh : 8 - 10 m^2/người

* Đất giao thông : 18 - 20 m^2/người

Bao gồm khu dân cư ngã ba Nhơn Đức, khu dân cư hiện hữu trên đường Nguyễn Bình, đường Lê Văn Lương. Khu đô thị mới GS là một đô thị chất lượng cao của thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các khu ở, khu trung tâm, khu công viên cây xanh. Ngoài chức năng trên khu đô thị mới GS còn là: khu thương mại - dịch vụ - văn phòng khách sạn, khu thương mại với các trung tâm mua sắm với quy mô lớn. Bố cục không gian kiến trúc hài hòa và gắn kết chặt với những mảng xanh, mặt nước - yếu tố đặc thù của huyện Nhà Bè.

- Cụm IV: khu vực phía Nam huyện Nhà Bè, gồm toàn bộ xã Hiệp Phước.

+ Diện tích : 3.802,19 ha.

+ Dân số dự kiến : 180.000 người.

+ Các chỉ tiêu: cụ thể được thể hiện trong đố án quy hoạch chung Khu đô thị cảng Hiệp Phước và Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Cụm V: Khu vực phía Tây huyện Nhà Bè, phía Đông, Nam giới hạn bởi rạch Cây Khô, rạch Bà Tánh, rạch Ống Theo, ranh giới giữa xã Nhơn Đức và xã Long Thới, sông Mương Chuối, sông Soài Rạp và sông Đồng Điền, phía Tây giới hạn bởi ranh huyện Nhà Bè, gồm toàn bộ xã Phước Lộc, một phần xã Nhơn Đức và toàn bộ xã Long Thới.

+ Diện tích : 2.541,55 ha.

+ Dân số dự kiến: 80.000 người, trong đó;

* Dân cư đô thị: 40.000 người.

* Dân cư khu vực dịch vụ du lịch: 40.000 người (trong đó có khoảng 14.000 người là dân cư nông thôn).

+ Các chỉ tiêu:

* Đất ở : 55 - 65 m^2/người.

* Đất công trình công cộng : 3 - 5 m^2/người.

* Đất cây xanh : 3 - 5 m^2/người.

* Đất giao thông : 6 - 8 m^2/người.

Khu dân cư đô thị kết hợp dịch vụ du lịch phát triển từ các điểm dân cư nông thôn, tồn tại lâu dài với quy mô tương đối phù hợp trên 200 hộ. Phát triển các nghề cây, cá kiểng, kết hợp cảnh quan thiên nhiên sông nước, hình thành các điểm du lịch sinh thái, giải trí nhà vườn.

6.1.2. Các trung tâm và công trình công cộng:

- Đảm bảo đủ các loại hình phục vụ thiết yếu, cấp phục vụ, quy mô phục vụ và bố trí theo giải pháp phân tán trong các khu ở.

- Để phục vụ tốt cho nhu cầu sinh hoạt của người dân, hệ thống công trình công cộng được xây dựng gồm: công trình công cộng trong các đơn vị ở, thị trấn và xã mang tính thường xuyên như công trình hành chánh cấp xã - thị trấn, thương mại dịch vụ, chợ, trạm y tế, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở,… và công trình công cộng khu vực (liên xã) và huyện.

- Trung tâm công cộng cấp huyện tại khu trung tâm huyện Nhà Bè, trong đó gồm công trình hành chính, thương mại - dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa - thể dục thể thao,…

- Trung tâm công trình công cộng liên xã quy mô khoảng 15 - 20 ha/trung tâm, là điểm tựa phát triển khu dân cư giữ vai trò thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn.

a) Khu trung tâm huyện: quy mô khoảng 30 ha.

Từ nay đến năm 2020, trung tâm huyện Nhà Bè thuộc xã Phú Xuân vẫn xác định là trung tâm hành chính như hiện nay. Ngoài ra còn có các chức năng trung tâm giáo dục, thể dục thể thao, văn hóa, y tế, thương mại dịch vụ của huyện.

b) Công trình cấp thành phố: tập trung ở khu vực xã Phước Kiển và xã Long Thới:

- Khu đại học 116 ha xã Long Thới.

- Khu y tế kỹ thuật cao 41,9 ha xã Long Thới.

- Khu công cộng cấp thành phố 27,86 ha xã Phước Kiển (giao lộ đường Nguyễn Hữu Thọ và đường Kho B).

- Các khu thương mại dịch vụ trong khu đô thị mới GS và Hiệp Phước.

c) Hệ thống công cộng: có diện tích khoảng 320,52 ha, trong đó bao gồm các công trình:

- Công trình hành chính tại các xã.

- Công trình giáo dục đào tạo:

+ Mỗi đơn vị ở đều bố trí trường mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở đảm bảo đủ quy mô và bán kính phục vụ, diện tích bình quân một chỗ học là 10 - 15m^2.

+ Hệ thống trường trung học phổ thông, trường dạy nghề cân đối chung trên địa bàn khu ở, bảo đảm đủ chỗ cho tất cả học sinh trong độ tuổi.

+ Các trung tâm giáo dục, trường dạy nghề thuộc huyện.

- Công trình y tế: phát triển mạng lưới y tế đều khắp, vừa xây dựng hệ thống y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao vừa tăng cường đầu tư cho tuyến y tế cơ sở, hiện đại hóa các trạm y tế xã, thị trấn.

- Công trình văn hóa thông tin: gồm trung tâm văn hóa, thư viện, Bảo tàng, khu triển lãm, rạp chiếu phim...;

- Công trình thể dục thể thao: phát triển mạng lưới thể dục thể thao trong khu dân cư, trung tâm thể dục thể thao cấp huyện;

- Công trình thương mại dịch vụ: trung tâm thương mại dịch vụ, siêu thị, chợ…

6.1.3. Các khu công viên cây xanh:

- Khu công viên văn hóa du lịch 166 ha xã Long Thới.

- Khu cây xanh dự trữ khoảng 229,27 ha xã Phước Kiển.

- Các khu công viên cây xanh - thể dục thể thao bố trí xen kẽ trong các khu ở.

- Khu công viên dọc các nhánh sông lớn như sông Mương Chuối, rạch Dơi, Long Kiển, Tắc Bà Phổ, rạch Cây Khô, rạch Cống Vinh, rạch Ông Bốn...

- Khu công viên chuyên đề thuộc đô thị Cảng Hiệp Phước.

- Ngoài ra còn có hệ thống cây xanh cách ly khu công nghiệp với dân cư và cây xanh hành lang hệ thống hạ tầng kỹ thuật,...

6.1.4. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:

- Khu công nghiệp Hiệp Phước dọc sông Soài Rạp, quy mô 2.000 ha, là khu công nghiệp - dịch vụ cảng - logistics.

- Cảng Hiệp Phước khoảng 335 ha, với công suất dự kiến khoảng 130 triệu tấn/năm.

- Khu kho, cảng Nhơn Đức khoảng 106,16 ha tại ngã ba sông Bà Lào và rạch Tôm (thay thế cảng Cây Khô do không đảm bảo về luồng, tuyến).

- Tổng kho xăng dầu Nhà Bè khoảng 157,1 ha.

- Các xí nghiệp không gây ô nhiễm bố trí xen cài trong các khu dân cư trên địa bàn huyện được duy trì.

6.1.5. Công trình và quần thể công trình tôn giáo: công trình tôn giáo sẽ tôn tạo trùng tu bảo vệ. Khi có nhu cầu mở rộng sẽ được xác định trong quy hoạch chi tiết sử dụng đất của khu vực.

6.1.6. Các khu vực đặc biệt:

- Đất an ninh quốc phòng (T30) xã Phước Lộc, xã Hiệp Phước.

- Đất khu quân sự tại xã Phú Xuân.

6.1.7. Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

- Khu xử lý nước thải tại xã Phước Kiển: 25 ha

- Khu xử lý nước thải tại xã Nhơn Đức: 15 ha

- Khu nghĩa trang tại xã Nhơn Đức: 50 ha

- Các trạm điện và tuyến điện 500KV, 220KV Nhà Bè tại xã Phước Kiển, các trạm xử lý nước thải,…

6.1.8. Nông nghiệp: đến năm 2020 diện tích đất nông nghiệp còn lại 200 ha, phân bố tập trung tại các xã Phước Lộc, xã Nhơn Đức và xã Long Thới.

6.2. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

6.2.1. Giới hạn trong việc đề xuất chiều cao xây dựng công trình:

Chiều cao công trình, cụm công trình trên địa bàn huyện Nhà Bè phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Công năng sử dụng của các công trình.

- Sức chịu tải của nền đất.

- Các giới hạn về an toàn của các hành lang kỹ thuật như tuyến cấp điện, kênh thoát nước, chiều rộng của tuyến giao thông,…

- Các giới hạn được quy định trong cấp phép xây dựng các công trình kiến trúc và quản lý sử dụng các công trình kiến trúc.

6.2.2. Bố cục mặt bằng không gian đô thị:

6.2.2.1. Bố cục mặt bằng không gian:

Bố cục không gian toàn huyện được định hướng như sau:

- Cụm I: gồm xã Phú Xuân và thị trấn Nhà Bè.

Khu dân cư hiện hữu dọc đường Huỳnh Tấn Phát và một phần đường Nguyễn Bình, các khu vực còn lại bố trí khu ở mới với hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh phù hợp với tiêu chuẩn đô thị văn minh hiện đại với các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

+ Mật độ xây dựng khu dân cư 25 - 40 %.

+ Tầng cao xây dựng tối đa không khống chế (tùy theo từng vị trí cụ thể).

+ Hệ số sử dụng đất chung ≤ 2.

- Cụm II: gồm toàn bộ xã Phước Kiển.

Khu dân cư hiện hữu dọc đường Lê Văn Lương và một phần đường Phạm Hữu Lầu, khu dân cư dọc đường Nguyễn Hữu Thọ chủ yếu là nhà ở cao tầng; các khu vực còn lại bố trí xen kẽ nhà ở thấp tầng và nhà ở cao tầng có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ với các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

+ Mật độ xây dựng khu dân cư 30 - 45 %.

+ Tầng cao xây dựng tối đa không khống chế (tùy theo từng vị trí cụ thể).

+ Hệ số sử dụng đất chung ≤ 2.

- Cụm III: gồm một phần xã nhơn Đức và một phần khu đô thị GS.

Bao gồm khu dân cư ngã ba Nhơn Đức, khu dân cư hiện hữu trên đường Nguyễn Bình, đường Lê Văn Lương. Khu đô thị mới GS là một đô thị chất lượng cao của thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các khu ở, khu trung tâm, khu công viên cây xanh. Ngoài chức năng trên khu đô thị mới GS còn là: khu thương mại - dịch vụ - văn phòng khách sạn; khu thương mại với các trung tâm mua sắm với quy mô lớn. Khu

vực có bố cục không gian kiến trúc hài hòa và gắn kết chặt với những mảng xanh, mặt nước - yếu tố đặc thù của huyện với các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

+ Mật độ xây dựng khu dân cư 30 - 45 %.

+ Tầng cao xây dựng tối đa không khống chế (tùy theo từng vị trí cụ thể).

+ Hệ số sử dụng đất chung ≤ 2.

- Cụm IV: là khu vực phía Nam huyện Nhà Bè, gồm toàn bộ xã Hiệp Phước, với chức năng là khu đô thị cảng biển Quốc tế, đô thị công nghiệp, khu đô thị dịch vụ logistics, với các khu ở đầy đủ tiện nghi và cơ sở hạ tầng đồng bộ, hoàn chỉnh, môi trường sống chất lượng cao với các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

+ Mật độ xây dựng khu dân cư 25 - 40 %.

+ Tầng cao xây dựng tối đa không khống chế (tùy theo từng vị trí cụ thể).

+ Hệ số sử dụng đất chung ≤ 2.

- Cụm V: gồm toàn bộ xã Phước Lộc, một phần xã Nhơn Đức và toàn bộ xã Long Thới.

Khu dân cư đô thị kết hợp dịch vụ du lịch phát triển từ các điểm dân cư nông thôn, tồn tại lâu dài với quy mô tương đối phù hợp trên 200 hộ. Phát triển các nghề cây, cá kiểng, kết hợp cảnh quan thiên nhiên sông nước, hình thành các điểm du lịch sinh thái, giải trí nhà vườn.

+ Mật độ xây dựng khu dân cư 25 - 35 %.

+ Tầng cao xây dựng tối đa không khống chế (tùy theo từng vị trí cụ thể).

+ Hệ số sử dụng đất chung ≤ 1,5.

6.2.2.2. Tổ chức không gian đô thị cho các khu vực tiêu biểu:

a) Trục cảnh quan: các trục phố chính là nơi tổ chức không gian kiến trúc quan trọng của huyện Nhà Bè;

- Trục đường Nguyễn Hữu Thọ, từ cầu Rạch Đỉa đến cầu Phước Kiển.

- Khu vực trục thương mại khu đô thị cảng Hiệp Phước

- Trục tỉnh lộ 15B từ quận 7 xuống trung tâm huyện Nhà Bè.

- Trục đường Nguyễn Bình khu vực trung tâm huyện Nhà Bè.

- Trục Đông Tây từ Phú Xuân sang trung tâm thương mại của khu đô thị GS.

- Trục cảnh quan dọc sông Soài Rạp.

- Trục cảnh quan dọc sông Phước Kiển khu vực khu đô thị GS.

Điểm nhấn kiến trúc: Xác định các khu vực xây dựng cao tầng làm điểm nhấn kiến trúc cho các khu đô thị:

- Khu vực phía Bắc trục đường Nguyễn Hữu Thọ.

- Khu vực nút giao thông trục đường Nguyễn Hữu Thọ đường vành đai 3 và cầu qua sông Soài Rạp đi huyện Cần Giờ.

- Khu vực trung tâm thương mại của khu đô thị GS, nút giao trục đường Nguyễn Hữu Thọ và đường nối sang Phú Xuân.

- Khu vực trung tâm huyện Nhà Bè, xã Phú Xuân.

- Khu vực trục thương mại khu đô thị Cảng Hiệp Phước.

b) Không gian xanh:

- Khu vực cây xanh dự trữ ở xã Phước Kiển, công viên văn hóa du lịch ở xã Long Thới, công viên chuyên đề ở đô thị cảng Hiệp Phước là khu vực chỉ dành cho chức năng du lịch và nghiên cứu. Các công trình xây dựng trong khu vực này chủ yếu phục vụ cho du lịch, tham quan, quản lý công viên và không gian xanh. Ưu tiên sử dụng vật liệu tự nhiên nhằm hạn chế thấp nhất tác động đến môi trường và hệ sinh thái tự nhiên.

- Khu công viên cây xanh: mật độ xây dựng ≤ 5%; hệ số sử dụng đất ≤ 0,1

- Dải cây xanh dọc theo sông rạch: tùy theo chiều rộng sông rạch quy định các khoảng lùi tính từ bờ sông rạch nhằm tạo mảng xanh và không gian mở.

7. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị: hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường khu vực (≥ 16m):

7.1. Quy hoạch giao thông đô thị:

a) Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường bộ:

+ Đường cao tốc liên vùng phía Nam (đường cao tốc Bến Lức - Long Thành): là trục đường Vành đai cao tốc bảo đảm chức năng phục vụ giao thông với tốc độ cao, liên tục kết nối giữa thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Miền Tây, Miền Đông được nhanh chóng, thuận lợi, lộ giới và hành lang bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông thực hiện theo Quyết định số 2925/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải.

+ Đường Vành đai 4: là đoạn đường cuối của tuyến, đảm bảo kết nối giao thông liên tục, nhanh chóng, thuận lợi, lộ giới và hành lang bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông thực hiện theo Quyết định số 1698/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các tuyến đường giao thông đối ngoại khác: đường Nguyễn Hữu Thọ (lộ giới 60m), đường Huỳnh Tấn Phát (lộ giới 30m) đảm bảo cân bằng chức năng giao thông, không gian đô thị gắn kết với các khu vực đô thị của thành phố Hồ Chí Minh.

- Đường sắt quốc gia: xây dựng mới tuyến đường sắt chuyên dụng phía Nam của huyện Nhà Bè được kết nối từ đường sắt quốc gia đến khu cảng Hiệp Phước, đảm bảo vận chuyển khối lượng lớn hàng hóa, phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007 và Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025.

b) Hệ thống giao thông đối nội:

- Đường bộ:

+ Đối với các đường hiện hữu: tiếp tực thực hiện cải tạo, nâng cấp mở rộng lộ giới đường theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo khai thác hiệu quả tối đa về chức năng giao thông và đạt chỉ tiêu tỷ lệ, mật độ giao thông theo quy định.

+ Đối các đường dự phóng: thực hiện quản lý chặt chẽ, tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thiện mạng lưới giao thông của khu vực đảm bảo khai thác giao thông hiệu quả.

- Đường sắt đô thị: xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 4 chuyên chở khối lượng lớn đến Khu đô thị Hiệp Phước phù hợp với quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010. Về phương án tuyến, vị trí và quy mô các nhà ga bố trí dọc tuyến sẽ được xác định cụ thể khi dự án được thực hiện, triển khai theo quy định.

- Hệ thống bến bãi: trên cơ sở Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020, quy hoạch bến bãi trên địa phận huyện Nhà Bè chiếm 108 ha dự kiến được phân bổ và xác định như sau:

Bảng thống kê danh mục hệ thống bến bãi xe huyện Nhà Bè.

STT	Tên bến - bãi theo quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)		Bố trí trong quy hoạch chung huyện Nhà Bè
		Quyết định số 101/QĐ-TTg	Quy hoạch chung huyện Nhà Bè	
	Tổng cộng	108	108	
I	Bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt	4	4	
1	Long Thới (Bình Khánh - cũ)	4	4	Bố trí khu vực xã Long Thới (trong khu bến bãi xe buýt)
II	Bãi đậu xe ô tô	50	50	
1	Phước Lộc (gồm: Nhà Bè 1: 10ha; Nhà Bè 2: 10ha)	20	20	Bố trí khu vực xã Phước Lộc
2	Phước Kiển (Cây Khô 1 - cũ)	10	10	Bố trí khu vực xã Phước Kiển,
3	Bãi dọc đường Cao tốc (Cây Khô 2 - cũ)	10	10	Bố trí dọc đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành
4	Long Thới (Nhơn Đức - cũ)	10	10	Bố trí khu vực xã Long Thới, phía Nam đường Long Thới
III	Bến đậu xe taxi	3	3	
1	Hiệp Phước (Bình Khánh - cũ)	3	3	Bố trí khu vực Hiệp Phước (khu công nghiệp Hiệp Phước - giai đoạn 3)
IV	Trung tâm tiếp chuyển hàng hóa	50	50	
1	Nhơn Đức 1 (Bình Khánh - cũ)	30	14	Bố trí khu vúc xã Nhơn Đức, trên đường Đào Sư Tích nối dài
2	Nhơn Đức 2 (Bình Khánh - cũ)		15	Bố trí khu vúc xã Nhơn Đức, trên đường Long Thới nối dài

3	Hiệp Phước 1 (Nam Sài Gòn - cũ)	20	8,92	Bố trí khu vực Hiệp Phước (khu công nghiệp Hiệp Phước - giai đoạn 3), phía Tây đường số 11 nối dài
4	Hiệp Phước 2 (Nam Sài Gòn - cũ)		2,08	Bố trí khu vực Hiệp Phước (khu công nghiệp Hiệp Phước - giai đoạn 3), phía Đông đường số 11 nối dài
5	Hiệp Phước 3 (Nam Sài Gòn - cũ)		10	Bố trí khu vực Hiệp Phước (khu công nghiệp Hiệp Phước - giai đoạn 3), phía Tây đường Nguyễn Hữu Thọ
V	Đầu mối trung chuyển hành khách	1	1	
1	Bến xe buýt Long Thới (bến xe buýt phía Nam khu đô thị Nam Sài Gòn - cũ)	1	1	Bố trí khu vực xã Long Thới (trong khu bến bãi xe buýt)

- Các nút giao thông chính: ưu tiên nghiên cứu giải pháp tổ chức giao thông khác mức hoặc xây dựng và cải tạo khoảng 04 nút giao thông chính tại các vị trí giao cắt giữa trục đường chính với các tuyến đường khác nhằm đảm bảo khai thác hiệu quả tối đa chức năng giao thông của khu vực, bao gồm:

+ Nút giao cắt đường Nguyễn Hữu Thọ - đường Kho B.

+ Nút giao cắt đường Nguyễn Hữu Thọ - đường cao tốc Bến Lức - Long Thành (bố trí tách thành 2 nút giao khác mức theo dự án).

+ Nút giao cắt đường Nguyễn Hữu Thọ - đường Nguyễn Bình.

+ Nút giao cắt đường Lê Văn Lương - đường Nguyễn Bình - đường Kho B.

- Đường thủy: đối với các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy và phân cấp hạng kỹ thuật trên địa phận huyện Nhà Bè thực hiện theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Quy hoạch mạng lưới đường thủy và cảng, bến khu vực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ nay đến năm 2020 và hành lang bảo vệ sông, rạch theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

7.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt (chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng):

7.2.1. Quy hoạch chiều cao (san nền):

- Giải pháp chính áp dụng: đắp nền tạo mặt bằng xây dựng đảm bảo cao độ khống chế, riêng với khu vực hiện hữu cải tạo chỉ khuyến cáo nâng dần cao độ nền đường và công trình đồng thời hoàn thiện hệ thống thoát nước giải quyết ngập.

- Cao độ nền khống chế chung cho toàn bộ khu vực: $H_{xd} \geq$ 2,00m - Hệ độ cao Hòn Dấu.

- Cao độ mặt đê theo dự án quy hoạch thủy lợi chống ngập: H = 3,00m.

7.2.2. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Cải tạo nạo vét thông dòng và bảo vệ các tuyến kênh thoát nước chính cấp 1 thuộc chi lưu sông Nhà Bè - Soài Rạp gồm: rạch sông Tắc Bà Phổ, rạch Bà Lào, rạch Ông Bốn, kinh Cây Khô, sông Ông Lớn, rạch Dơi, sông Đồn Điền, rạch Long Kiển, sông Kinh Lộ, rạch Mương Lớn.

- Cập nhật 04 cống kiểm soát triều (cống Phú Xuân, cống Mương Chuối, cống sông Kinh và sông Kinh Lộ) cùng hệ thống đê bao được phê duyệt theo dự án Quy hoạch thủy lợi chống ngập của thành phố.

- Tổ chức lại mạng lưới thoát nước theo nguyên tắc:

+ Giữ lại các tuyến cống hiện trạng đang phục vụ thoát nước hiệu quả cho khu vực gồm: các tuyến cống trên đường Huỳnh Tấn Phát, đường Nguyễn Hữu Thọ, đường Lê Văn Lương và các tuyến cống hiện trạng thuộc các dự án Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 1.

+ Đầu tư theo thiết kế chi tiết được phê duyệt đối với các tuyến cống thuộc dự án Khu công nghiệp Hiệp Phước và Khu đô thị Hiệp Phước.

+ Xây dựng mới các tuyến cống chính theo các lưu vực dẫn thoát tập trung thoát ra sông - kênh - rạch theo hướng ngắn nhất và lợi nhất về mặt thủy lực và phù hợp với quy hoạch tổng mặt bằng khu vực.

- Nguồn thoát nước: tập trung thoát đổ ra hệ thống các kênh rạch cắt qua khu vực thuộc chi lưu sông 1 thuộc chi lưu sông Nhà Bè - Soài Rạp.

- Thông số kỹ thuật mạng lưới: độ sâu chôn cống tối thiểu H_c = 0,70m; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống.

* Lưu ý:

- Lưu ý việc cải tạo xây dựng liên quan đến hệ thống kênh rạch tự nhiên trong khu vực phải thông qua ý kiến của các đơn vị quản lý chuyên ngành.

- Với cống thoát nước đề xuất quy hoạch mới: vị trí, các thông số kỹ thuật chi tiết cũng như phân đoạn đầu tư xây dựng, đề nghị trong các giai đoạn thiết kế đầu tư xây dựng cụ thể sẽ hoàn chỉnh đảm bảo sự phù hợp với điều kiện hiện trạng và kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

7.3. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng (Quy hoạch cấp điện):

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt:

+ Khu vực đô thị mới: 1500 ÷ 2500 KWh/người/năm.

+ Khu vực đô thị hóa, thị trấn: 1200 ÷ 2000 KWh/người/năm.

+ Khu vực nông thôn: 1500 ÷ 2500 KWh/người/năm.

- Chỉ tiêu cấp điện công cộng dịch vụ và thương mại:

+ Khu vực đô thị mới: 50% ÷ 80% điện sinh hoạt.

+ Khu vực đô thị hóa, thị trấn: 40% ÷50% điện sinh hoạt.

+ Khu vực nông thôn: 20% điện sinh hoạt.

- Chỉ tiêu cấp điện ngoài dân dụng:

+ Công nghiệp: 350 ÷ 400 (KW/ha).

+ Kho, cảng: 120 ÷ 150 (KW/ha).

+ Nông nghiệp: 0,25 (KW/ha).

- Nguồn cấp điện: từ lưới điện thuộc Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Điện lực Hiệp Phước:

+ Giai đoạn đến 2015:

* Cải tạo nâng cấp trạm 500/220KV Nhà Bè lên 2x900MVA.

* Cải tạo tăng công suất các trạm 110/15-22KV hiện hữu: Nhà Bè - 2x63MVA, Hiệp Phước - 2x63MVA. Xây dựng mới trạm 220/110KV - 1x250MVA Nam Hiệp Phước.

* Xây dựng mới các trạm 110/22KV: Đô thị GS - 1x63MVA, Nam Hiệp Phước - 2x63MVA, công nghiệp Hiệp Phước 2 - 1x63MVA, đô thị Hiệp Phước 1 - 1x63MVA, Hiệp Phước B - 2x63MVA.

+ Giai đoạn năm 2016 đến 2020:

* Cải tạo nâng cấp 2 trạm 220/110KV Nhà Bè và Nam Hiệp Phước lên 3x250MVA.

* Cải tạo nâng công suất các trạm 110/22KV hiện hữu lên 2x63MVA, trạm đô thị GS lên 3x63MVA.

* Xây dựng mới các trạm 110/22KV: công nghiệp Hiệp Phước 3 - 2x63MVA, đô thị Hiệp Phước 2 - 2x63MVA, Nhơn Đức - 2x63MVA, Phú Xuân - 2x63MVA.

+ Các trạm 110/15-22KV xây mới ở khu đô thị dùng loại trạm (GIS), mỗi trạm đặt từ 2 đến 3 máy 63MVA.

- Lưới điện cao thế 220KV, 110KV trên địa bàn huyện Nhà Bè xây dựng mới phải được ngầm hóa. Riêng các tuyến 110K hiện hữu dần được cải tạo phù hợp với mỹ quan đô thị nhưng phải đảm bảo an toàn lưới điện cao áp.

- Xây dựng mới các trạm biến thế 15-22/0,4KV dùng máy biến thế 3 pha công suất ≥ 400KVA, đặt trong nhà, trạm phòng, trạm compact. Các trạm hiện hữu loại đặt trên giàn, trên nền, treo trên trụ sẽ được tháo gỡ và thay thế dần bằng loại trạm đơn thân, trạm Kiosk để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị

- Mạng trung thế 15KV hiện hữu sẽ được nâng cấp cải tạo và thay thế bằng cáp ngầm 24KV; tháo gỡ các đoạn và nhánh rẽ không phù hợp.

- Xây dựng mới các tuyến 22KV xuất phát từ trạm 110KV dẫn dọc theo các trục đường giao thông dùng cáp đồng bọc XLPE-24KV chôn ngầm.

7.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: sử dụng nguồn nước máy thành phố, dựa vào các tuyến ống cấp nước máy thuộc Nhà máy nước Thủ Đức và Nhà máy nước BOO Thủ Đức.

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày

+ Nước công nghiệp: 35 m^3/ha/ngày

- Tổng nhu cầu dùng nước:

+ $Q_{max\ 2015}$ = 105.070 m^3/ngày

+ $Q_{max\ 2020}$ = 332.160 m^3/ngày

- Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 80 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 3 đám cháy.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Các tuyến ống hiện trạng được cập nhật và các tuyến ống được thiết kế mới phù hợp với định hướng quy hoạch chung cấp nước thành phố. Đấu nối mạng lưới bên trong khu quy hoạch với các tuyến ống cấp I hiện trạng và xây dựng mới

+ Thiết kế mạng lưới theo mạng vòng với nguyên tắc mạng lưới phải bao trùm được các điểm tiêu thụ, các tuyến ống chính đặt theo các đường phố lớn, ống nhánh nối vào ống chính phân phối nước cấp tới từng khu chức năng, nơi tiêu thụ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: dựa trên các tuyến ống cấp nước của khu quy hoạch bố trí các trụ lấy nước chữa cháy với bán kính phục vụ từ 150m - 200m. Ngoài ra, bố trí 07 điểm lấy nước dự phòng cho công tác chữa cháy tại các vị trí kênh, rạch.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn (Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường):

7.5.1. Thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước:

+ Nước thải sinh hoạt: 180 lít/người/ngày

+ Nước thải công nghiệp: 35 m^3/ha/ngày

- Tổng lượng thoát nước thải:

+ $Q_{max\ 2015}$ = 84.557 m^3/ngày

+ $Q_{max\ 2020}$ = 143.194 m^3/ngày

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Sử dụng hệ thống cống thoát nước thải riêng để thu gom nước thải. Nước thải phân tiểu được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thu gom nước thải.

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT và tiêu chuẩn TCVN 7222-2002 trước khi thoát ra môi trường tự nhiên. Nước thải được tập trung về 02 trạm xử lý chính là: Nhà máy xử lý nước thải tập trung thành phố số 1B tại xã Nhơn Đức - Nhà Bè với công suất 500.000 m^3/ngày đêm (trong đó 45.000 m^3/ngày đêm cho lưu vực III và IV của huyện Nhà Bè) và nhà máy xử lý nước thải tập trung thành phố số 04 tại xã Phước Kiển - Nhà Bè với công suất 170.000 m^3/ngày đêm (trong đó 61.000 m^3/ngày đêm cho lưu vực I và II của huyện Nhà Bè). Đồng thời, nước thải cũng được tập trung về 04 trạm xử lý nước thải cục bộ (cho khu dân cư) với tổng công suất 91.000 m^3/ngày đêm.

+ Nước thải công nghiệp: Được xử lý cho từng khu công nghiệp, không xử lý chung với nước thải sinh hoạt. Nước thải sau khi xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT mới được thoát ra môi trường tự nhiên. Nước thải công nghiệp được tập trung về 05 trạm xử lý nước thải cục bộ công nghiệp, cảng với tổng công suất 55.500 m^3/ngày đêm.

7.5.2. Xử lý chất thải rắn:

- Chỉ tiêu rác thải

+ Rác thải sinh hoạt: 1,0 kg/người/ngày

+ Rác thải công nghiệp: 0,5 tấn/ha/ngày

- Tổng lượng rác thải: W_{2015}= 585 tấn/ngày

W_{2020}= 1.195 tấn/ngày

- Phương án xử lý rác thải:

+ Rác thải sinh hoạt: rác thải phải được phân loại và đưa đến trạm ép rác kín. Vận chuyển đưa về các khu liên hợp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

+ Rác thải công nghiệp: rác thải công nghiệp phải được phân loại, thu gom và đưa đến khu xử lý rác công nghiệp.

- Trong các khu công trình công cộng cần phải bố trí nhà vệ sinh công cộng.

7.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Mạng lưới đường dây, đường ống có thể thay đổi và bố trí cụ thể hơn trong các bước thiết kế chi tiết tiếp theo và phải tuân thủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

8. Các điểm lưu ý khác:

- Hồ sơ đồ án này được lập theo nội dung Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và lập trước ngày 20 tháng 9 năm 2010 (ngày hiệu lực của Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị).

- Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè mang tính định hướng phát triển không gian và quy hoạch tổng mặt bằng cho huyện Nhà Bè trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch chung thành phố 2025 và nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè được duyệt; được cụ thể hóa trong các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000 (quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000) và đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trên địa bàn quận.

- Đối với các khu vực đang trong quá trình nghiên cứu thực hiện quy hoạch (chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc chỉ có chấp thuận chủ trương) và các nội dung thay đổi so với Quyết đinh số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, chưa thể cập nhật vào nội dung Quyết định phê duyệt này, sẽ được rà soát cập nhật điều chỉnh cục bộ khi thực hiện quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 tại khu vực.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, Viện Quy hoạch xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng và phải đảm bảo phù hợp quy chuẩn, quy định của các số liệu trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

- Trên cơ sở nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè được duyệt, giao Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Viện Quy hoạch xây dựng tổ chức lập Quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị và Ban hành Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè được duyệt; đồng thời rà soát và triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, thiết kế đô thị để cụ thể hóa đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung của đô thị và các dự án đầu tư xây dựng.

- Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Viện Quy hoạch xây dựng tổ chức công bố, công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè theo quy định tại Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Lập danh mục các dự án, chương trình đầu tư, các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo thứ tự ưu tiên nhằm hiện thực hóa đồ án quy hoạch chung xây dựng.

- Cập nhật, rà soát đối với các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị 1/2000 đã được duyệt, các đồ án đang điều chỉnh cũng như các khu chức năng chuyển đổi (nếu được sự chấp thuận của cấp thẩm quyền) để có cân đối tính toán bổ sung đủ các

chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đã xác định, các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy mô dân số đến năm 2020.

- Phối hợp chặt chẽ cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải để có thống nhất về việc quản lý, san lấp các kênh rạch tại khu vực. Tại các sông rạch, tuyến kênh mương giữ lại, việc tổ chức các công trình hạ tầng, các tuyến đường dọc kênh, các khoảng cách ly trồng cây,… cần tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Về tổ chức giao thông, cắm mốc các tuyến đường cần được đối chiếu và khớp nối với các dự án xung quanh khu vực đã có pháp lý phê duyệt, cũng như các dự án đang triển khai…

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Giám đốc Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Viện Quy hoạch xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 6179/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 đến năm 2020, tỷ lệ 1/5.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 699/2002/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển và cải tạo lưới điện thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2002 - 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải khu vực thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 tháng 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng về ban hành hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng";

Căn cứ Thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng ban hành QCXDVN 03:2009/BXD (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị);

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BXD ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2010/BXD (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị);

Căn cứ Thông báo số 236-TB/TU ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch tổng thể cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 6860/QĐ-UB-QLĐT ngày 21 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4570/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3923/TTr-SQHKT ngày 22 tháng 11 năm 2012 về trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11, với các nội dung chính như sau:

(đính kèm hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11)

1. Vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới khu vực quy hoạch: quận 11 là quận nội thành, nằm về phía Tây Nam thành phố Hồ Chí Minh, các mặt giáp giới như sau:

- Phía Đông: giáp quận 10 và quận 5, giới hạn bởi đường Lý Thường Kiệt.

- Phía Bắc và phía Tây: giáp quận Tân Bình và quận Tân phú, giới hạn bởi kênh Tân Hóa, đường Âu Cơ, đường Nguyễn Thị Nhỏ và đường Thiên Phước.

- Phía Nam: giáp quận 6, giới hạn bởi đường Hồng Bàng và đường Nguyễn Chí Thanh.

2. Mục tiêu của đồ án:

- Triển khai cụ thể, phù hợp và chính xác các tuyến hạ tầng giao thông theo định hướng chung của toàn thành phố.

- Đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện về kinh tế và xã hội. Khắc phục được những bất cập của quy hoạch chung xây dựng quận 11 đã được phê duyệt trước đây.

- Định hướng phát triển không gian và xác định phân khu chức năng hợp lý để khai thác quỹ đất xây dựng có hiệu quả nhất vừa đảm bảo sự phát triển kinh tế xã hội và giữ gìn được cảnh quan, môi trường bền vững.

- Tổ chức được các khu chức năng đô thị mang tính đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đáp ứng được nhu cầu phát triển.

- Phục vụ tốt cho công tác quản lý và phát triển đô thị một cách hài hòa, theo đúng quy hoạch được phê duyệt, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư phát triển đồng bộ, hạn chế tự phát.

3. Tính chất, chức năng quy hoạch:

- Cơ cấu kinh tế: định hướng chuyển dịch cơ cầu kinh tế xã hội sang chức năng thương mại - dịch vụ, du lịch và văn hóa - giải trí - thể dục thể thao của thành phố.

- Tính chất, chức năng: quận 11 là quận nội thành của thành phố bao gồm các khu chức năng chính như sau:

+ Khu dân cư đô thị.

+ Khu dịch vụ thương mại.

+ Khu công viên văn hóa, vui chơi giải trí.

4. Dự báo quy mô dân số, cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

4.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng (2009): 229.890 người.

- Đến năm 2015: 244.000 người.

- Đến năm 2020: 250.000 người.

4.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại đất	Đồ án điều chỉnh quy hoạch			
		Năm 2015 (244.000 người)		Năm 2020 (250.000 người)	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất dân dụng	484,38	94,25	493,98	96,12
1	Đất ở	276,58	53,82	261,37	50,86
	- Đất ở hiện hữu cải tạo kết hợp xây dựng mới	274,94	53,50	258,32	50,26
	- Đất ở xây dựng mới	1,64	0,32	3,05	0,6
2	Đất hỗn hợp	18,48	3,60	42,54	8,28
3	Đất công trình dịch vụ đô thị	27,7	5,39	34,26	6,67
	- Đất công trình công cộng	8,50	1,65	7,93	1,55
	- Đất giáo dục	15,33	3,0	22,14	4,30
	- Đất thương mại dịch vụ	3,87	0,75	4,19	0,82
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng	3,62	0,70	5,35	1,04
5	Đất giao thông đối nội	77,90	15,16	87,98	17,12
6	Đất khác trong khu dân dụng	80,10	15,58	62,48	12,15
	Đất công trình công cộng cấp thành phố	7,88	1,53	7,88	1,54
	Đất công viên - thể dục thể thao cấp thành phố	63,54	12,36	46,96	9,13
	- Khu liên hợp thể dục thể thao Phú Thọ	28,58	5,56	12	2,33
	- Công viên văn hóa Đầm sen	34,96	6,80	34,96	6,80
	Đất tôn giáo	8,68	1,64	7,64	1,48
II	Đất ngoài dân dụng	29,56	5,75	19,96	3,88
7	Đất giao thông đối ngoại	16,23	3,16	18,98	3,69
8	Đất công nghiệp kho tàng	11,14	2,16		
9	Đất an ninh, quốc phòng	0,98	0,19	0,98	0,19
10	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	1,21	0,23		
11	Sông rạch				
Tổng cộng		513,94	100,0	13,94	100,00

4.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

Hạng mục	Đơn vị tính	Điều chỉnh quy hoạch	
		Năm 2015	Năm 2020
Diện tích tự nhiên	ha	513,94	513,94
Dân số	người	244.000	250.000
Mật độ dân số/diện tích tự nhiên	người/ha	474	486
Mật độ dân số/diện tích đất ở	người/ha	887	962
Tầng cao xây dựng			
+ Tầng cao tối thiểu	tầng	2	2
+ Tầng cao tối đa	tầng	không hạn chế	không hạn chế
- Mật độ xây dựng	%		30-50
- Đất dân dụng Trong đó:	m^2/người	19,85	19,75
+ Đất ở	m^2/người	11,34	10,45
+ Đất công trình công cộng	m^2/người	1,14	1,69
+ Đất cây xanh	m^2/người	0,15	2,09
+ Đất giao thông	m^2/người	3,19	3,52
- Chỉ tiêu cấp điện	kwh/người/năm	1.500	2.500
- Chỉ tiêu cấp nước	lít/người/ngày.đêm	180	180
- Chỉ tiêu thoát nước	lít/người/ngày.đêm	180	180
- Chỉ tiêu rác thải	kg/người/ngày	1,2	1,0

5. Định hướng quy hoạch phát triển không gian đô thị:

5.1. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng:

5.1.1. Các khu, cụm công nghiệp:

- Tiếp tục di dời các xí nghiệp sản xuất ô nhiễm, kho tàng ra các khu - cụm công nghiệp tập trung và chuyển đổi sang chức năng dân dụng như công trình công cộng, công trình thương mại dịch vụ hỗn hợp, công viên cây xanh…

- Duy trì một số cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp không ô nhiễm.

5.1.2. Hệ thống trung tâm và công trình công cộng:

- Đảm bảo đủ các loại hình phục vụ thiết yếu, cấp phục vụ, quy mô phục vụ và bố trí theo giải pháp phân tán trong các khu ở, đảm bảo bán kính phục vụ và vị trí phù hợp với chức năng, đồng thời kết hợp với các mảng hoa viên sân chơi thể dục thể thao tạo nên những khoảng không gian mở cho từng khu vực.

- Công trình công cộng cấp khu ở, cấp phường gồm các công trình công cộng mang tính thường xuyên như công trình hành chính cấp phường, thương mại dịch vụ, chợ, trạm y tế, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở.

- Trung tâm hành chính quận, phát triển tại vị trí trung tâm quận hiện nay trên đường Bình Thới.

- Trung tâm thương mại, dịch vụ được bố trí tại khu vực Trường đua Phú Thọ (đường Ba Tháng Hai, đường Lê Đại Hành - đường Lãnh Binh Thăng) và dọc theo đường đường Hòa Bình, đường Ba Tháng Hai.

- Trung tâm văn hóa - giải trí, du lịch bố trí dọc trục đường Lãnh Binh Thăng thuộc phường 8, phường 11 và tại khu vực Công viên văn hóa Đầm Sen thuộc phường 3.

- Khu thể dục thể thao Phú Thọ thuộc phường 15 được xây dựng thành khu liên hợp thể dục thể thao - công viên cây xanh - công trình công cộng.

5.1.3. Các khu dân cư: toàn quận 11 phân thành 6 cụm ở như sau:

a) Cụm 1: gồm phường 1, phường 3 và phường 10.

- Diện tích: 131,26 ha.

- Vị trí phía Đông giới hạn bởi đường Minh Phụng và đường Phú Thọ; phía Tây giới hạn bởi Tân Hóa; phía Nam giới hạn bởi đường Hồng Bàng, đường Hàn Hải Nguyên, đường Bình Thới; phía Bắc giới hạn bởi đường Ông Ích Khiêm và đường Hòa Bình.

- Chức năng là khu công viên văn hóa cấp thành phố, Trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ của quận và khu dân cư hiện hữu.

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng năm 2009: 47.868 người

+ Giai đoạn đến năm 2015: 50.400 người

+ Giai đoạn đến năm 2020: 53.000 người

- Mật độ xây dựng bình quân trong khu ở là 45%.

- Tầng cao xây dựng tối đa: 35 tầng.

b) Cụm 2: gồm phường 2 và phường 16.

- Diện tích: 50,33 ha.

- Vị trí phía Đông giới hạn bởi đường Nguyễn Thị Nhỏ; phía Tây giới hạn bởi đường Phú Thọ; phía Nam giới hạn bởi đường Hồng Bàng; phía Bắc giới hạn bởi đường Hàn Hải Nguyên và đường Ba Tháng Hai.

- Chức năng là khu dân cư hiện hữu.

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng năm 2009: 27.729 người

+ Giai đoạn đến năm 2015: 29.100 người

+ Giai đoạn đến năm 2020: 27.500 người

- Mật độ xây dựng bình quân trong khu ở là 45%

- Tầng cao xây dựng nhà liên kế 4 tầng, chung cư 9 - 15 tầng.

c) Cụm 3: gồm phường 4, phường 6, phường 7 và phường 15.

- Diện tích: 130,85 ha.

- Vị trí phía Đông giới hạn bởi đường Lý Thường Kiệt; phía Tây giới hạn bởi đường Nguyễn Thị Nhỏ, đường Lê Đại Hành, đường Ba Tháng Hai; phía Nam giới hạn bởi đường Nguyễn Chí Thanh; phía Bắc giới hạn bởi đường Thiên Phước.

- Chức năng là khu Trung tâm thể dục thể thao cấp thành phố, khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang.

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng năm 2009: 43.278 người

+ Giai đoạn đến năm 2015: 52.200 người

+ Giai đoạn đến năm 2020: 52.000 người

- Mật độ xây dựng bình quân trong khu ở là 40%

- Tầng cao xây dựng tối đa: không hạn chế

d) Cụm 4: gồm phường 5 và phường 14.

- Diện tích: 98,04 ha

- Vị trí phía Đông giới hạn bởi đường Bình Thới; phía Tây Bắc giới hạn bởi

đường Trịnh Đình Trọng; phía Nam giới hạn bởi đường Ông Ích Khiêm - đường Hòa Bình; phía Đông Bắc giới hạn bởi đường Âu Cơ.

- Chức năng là khu dân cư hiện hữu cải tạo kết hợp xây dựng mới.

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng năm 2009: 47.678 người

+ Giai đoạn đến năm 2015: 50.100 người

+ Giai đoạn đến năm 2020: 53.500 người

- Mật độ xây dựng bình quân trong khu ở là 35 - 40%

- Tầng cao xây dựng tối đa: không hạn chế

e) Cụm 5: gồm phường 8, phường 12 và phường 13.

- Diện tích: 64,55 ha.

- Vị trí phía Đông giới hạn bởi đường Lê Đại Hành; phía Tây giới hạn bởi đường Thái Phiên; phía Nam giới hạn bởi đường Ba Tháng Hai và đường Hàn Hải Nguyên; phía Bắc giới hạn bởi đường Lãnh Binh Thăng.

- Chức năng là khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang.

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng năm 2009: 38.683 người

+ Giai đoạn đến năm 2015: 37.000 người

+ Giai đoạn đến năm 2020: 39.000 người

- Mật độ xây dựng bình quân trong khu ở là 35 - 40%

- Tầng cao xây dựng tối đa: 35 tầng

f) Cụm 6: gồm phường 9 và phường 11.

- Diện tích: 38,91 ha

- Vị trí phía đông giới hạn bởi đường Thái Phiên và đường Lò Siêu; phía Tây giới hạn bởi đường Minh Phụng; phía Nam giới hạn bởi đường Lãnh Binh Thăng và đường Hàn Hải Nguyên; phía Bắc giới hạn bởi đường Bình Thới.

- Chức năng là khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang.

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng năm 2009: 24.654 người

+ Giai đoạn đến năm 2015: 25.200 người

+ Giai đoạn đến năm 2020: 25.000 người

- Mật độ xây dựng bình quân trong khu ở là 45%.

- Tầng cao xây dựng tối đa: 35 tầng.

- Là khu dân cư hiện hữu, giải pháp chính là cải tạo chỉnh trang, từng bước nâng cao điều kiện ở và sinh hoạt của dân cư, nâng cấp và mở rộng các tuyến giao thông. Cải tạo và mở rộng các công trình công cộng, tổ chức xen cài cây xanh trong cụm dân cư.

5.1.4. Công viên cây xanh:

- Nâng cấp công viên Đầm Sen hiện hữu thuộc phường 3.

- Khai thác thêm quỹ đất trong khu thể dục thể thao Phú Thọ làm công viên cây xanh (quy mô sẽ được xác định sau khi quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu thể dục thể thao Phú Thọ được phê duyệt).

- Tập trung khai thác các mảng xanh trên các dự án chỉnh trang đô thị.

- Mở rộng và hoàn thiện khu di tích Chùa Gò thuộc phường 2 và Đồn Cây Mai thuộc phường 16.

- Trong các khu ở, khi thực hiện cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới chú trọng bố trí nhiều vườn hoa nhỏ, cây xanh, thảm cỏ.

5.1.5. Công trình tôn giáo tín ngưỡng: duy trì, bảo vệ và tôn tạo các công trình tôn giáo, tín ngưỡng, đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh và phát triển nét đẹp văn hóa phong tục, tập quán của người dân. Diện tích đến năm 2020 là 7,64 ha.

5.1.6. Đất quân sự: hiện chỉ còn một phần đất quân sự tại khu di tích Đồn Cây Mai thuộc phường 16, với diện tích là 0,98 ha.

5.2. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

5.2.1. Bố cục mặt bằng không gian đô thị:

- Cải tạo các khu ở cũ và ổn định kết hợp với xây dựng mới các khu nhà phố liên kế có sân phía trước, kiến trúc trong cùng một dãy phố mang cùng một hình thức kiến trúc (về cấu trúc mặt tiền, độ cao trung bình, độ lùi công trình...).

- Các khu cao tầng đảm bảo khoảng cách giữa các công trình, bố trí bãi đậu xe, kiến trúc thoáng mát hiện đại, hạn chế hướng Tây, các mặt tiền nhà nên hướng ra các trục đường chính tạo vẻ khang trang cho đô thị.

- Tầng cao tối thiểu: 2 tầng

- Tầng cao tối đa: không hạn chế.

5.2.2. Tổ chức không gian đô thị cho các khu vực tiêu biểu:

a) Khu trung tâm thương mại - dịch vụ:

- Cửa ngõ của quận 11 là trục đường Ba Tháng Hai là tuyến giao thông xuyên suốt không chỉ của quận 11 mà của cả thành phố. Vì vậy, trên tuyến đường này sẽ bố trí các công trình trọng điểm, các khu cao tầng kết hợp với dịch vụ bên dưới tạo thành trục đường thương mại đặc thù cho quận.

- Mật độ xây dựng: tối thiểu 40%, tối đa 60%.

- Tầng cao: tối thiểu 1 tầng, tối đa không khống chế (theo quy định).

b) Khu trung tâm hành chính:

- Hiện nay đã được hình thành, nằm trên tuyến đường Bình Thới, tập trung các công trình hành chính ban ngành của quận 11. Khu vực này còn thiếu cây xanh cần bổ xung thêm hệ thống cây xanh ven đường tạo mỹ quan cho khu trung tâm.

- Mật độ xây dựng: tối thiểu 30%, tối đa 50%.

- Tầng cao: tối thiểu 1 tầng, tối đa không khống chế (theo quy định).

c) Khu công viên cây xanh:

- Quận 11 là một trong những quận nằm ở trung tâm thành phố nhưng có ưu thế hơn các quận nội thành khác nhờ những khoảng không gian mở là công viên Đầm Sen. Tuy nhiên cần bố trí thêm các công viên nhỏ xen cài trong các khu ở (đa phần là dân cư hiện hữu đang từng bước cải tạo). Để đảm bảo chỉ tiêu cây xanh thì cần có phương thức khai thác hợp lý dựa trên quỹ đất của khu vực Trường đua Phú Thọ theo một tỷ lệ cho phép nhằm tạo thêm quỹ cây xanh cho quận. Để tận dụng ưu thế này, cần bố trí kết hợp cây xanh mặt nước với các loại hình vui chơi giải trí phục vụ cho dân cư không chỉ của quận mà còn của cả thành phố.

- Mật độ xây dựng: tối thiểu 10%, tối đa 20%.

- Tầng cao: tối thiểu 1 tầng, tối đa 2 tầng.

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

6.1. Quy hoạch giao thông:

6.1.1. Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường bộ:

+ Đường trên cao số 2: Theo Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, tuyến đường trên cao số 2 được kết nối từ đường trên cao số 1 đến đường Vành đai 2 (Quốc lộ 1A), hướng tuyến thực hiện theo hướng tuyến điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Văn bản số 906/TTg-KTN ngày 02 tháng 6 năm 2010, riêng về quy mô mặt cắt ngang và các điểm kết nối với hệ thống giao thông đường bộ dưới mặt đất của dự án sẽ được xác định cụ thể khi dự án được thực hiện, triển khai theo quy định.

+ Đường Ba Tháng Hai đoạn đi qua địa phận quận 11 có lộ giới từ 30m đến 35m là đường trục chính đô thị, đảm bảo cân bằng chức năng giao thông, không gian đô thị và kết nối mạng lưới giao thông liên khu vực.

+ Các tuyến đường giao thông đối ngoại khác: đường Hồng Bàng (lộ giới 40m), đường Lý Thường Kiệt (lộ giới từ 30m đến 35m) đảm bảo cân bằng chức năng giao thông, không gian đô thị gắn kết với các khu vực đô thị của thành phố Hồ Chí Minh.

6.1.2. Hệ thống giao thông đối nội:

- Đối với các đường hiện hữu: tiếp tực thực hiện cải tạo, nâng cấp mở rộng lộ giới đường theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo khai thác hiệu quả tối đa về chức năng giao thông và đạt chỉ tiêu tỷ lệ, mật độ giao thông theo quy định.

- Đối các đường dự phóng: thực hiện quản lý chặt chẽ, tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thiện mạng lưới giao thông của khu vực đảm bảo khai thác giao thông hiệu quả.

6.1.3. Hệ thống giao thông công cộng:

- Hệ thống xe buýt cần đáp ứng nhu cầu giao thông công cộng từ 45 ÷ 50% và tổ chức mạng lưới xe buýt phủ kín trên toàn mạng lưới giao thông của khu vực.

- Đường sắt đô thị: Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007 và Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có các tuyến đường sắt đô thị đi qua địa phận quận 11 như sau: Tuyến đường sắt đô thị số 3a đi trong hành lang lộ giới đường Hồng Bàng, tuyến đường sắt đô thị số 5 đi trong hành lang lộ giới đường Lý Thường Kiệt và tuyến đường sắt đô thị số 6 đi trong hành lang lộ giới đường Tân Hóa kết nối với tuyến đường sắt đô thị số 3a. Về phương án tuyến, vị trí và quy mô các nhà ga bố trí dọc tuyến sẽ được xác định cụ thể theo dự án được thực hiện, triển khai theo quy định.

6.1.4. Hệ thống các công trình phục vụ giao thông:

- Trên cơ sở Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007 của Thủ

tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020, quy hoạch bến bãi trên địa phận quận 11 chiếm 4,16 ha dự kiến được phân bổ và xác định như sau:

+ Bãi đậu xe ô tô tại khu vực Trường đua Phú Thọ quy mô 1,0 ha.

+ Bãi đậu xe buýt tại khu vực công viên văn hóa Đầm Sen quy mô 0,16 ha.

+ Bãi Hậu Cần số 4 tại khu vực đường Tống Văn Trân quy mô 3,0 ha.

- Các nút giao thông chính: Ưu tiên nghiên cứu giải pháp tổ chức giao thông khác mức giữa đường Ba Tháng Hai với các tuyến đường Hồng Bàng, đường Lê Đại Hành và đường Lý Thường Kiệt, đảm bảo khai thác hiệu quả tối đa chức năng giao thông đô thị của đô thị.

6.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt (chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng):

6.2.1. Quy hoạch cao độ nền:

- Cải tạo, hoàn thiện nền xây dựng của khu vực theo nguyên tắc bám sát cao độ nền tự nhiên hiện trạng, riêng với khu vực hiện hữu cải tạo chỉ khuyến cáo nâng dần cao độ nền đường và công trình đồng thời hoàn thiện hệ thống thoát nước giải quyết ngập.

- Cao độ nền khống chế chung cho toàn bộ khu vực: $H_{xd} \geq 2,07m$ - Hệ cao độ Hòn Dấu.

6.2.2. Quy hoạch thoát nước mặt:

- Cải tạo, xây dựng kè bảo vệ cho các trục tiêu thoát nước chính cấp 1 (theo các dự án nghiên cứu thoát nước đang được triển khai) gồm: kênh Tân Hóa - Lò Gốm, kênh Tàu Hũ - Bến Nghé.

- Triển khai các tuyến cống, công trình thoát nước theo các dự án liên quan đến khu vực gồm: dự án Cải thiện môi trường nước và dự án cải tạo kênh Tân Hóa - Lò Gốm.

- Tổ chức lại mạng lưới thoát nước hiện trạng và xây dựng mới các tuyến cống theo nguyên tắc: Sử dụng mạng lưới thoát nước chung có hệ thống phân tách nước bẩn phía cuối nguồn xả, giữ lại các tuyến cống hiện trạng đang phục vụ thoát nước hiệu quả cho khu vực, xây dựng mới các tuyến cống chính khu vực kết nối vào hệ thống dự án Cải thiện môi trường nước lưu vực kênh Tàu Hũ - Bến Nghé, và dự án Nâng cấp đô thị lưu vực kênh Tân Hóa - Lò Gốm.

- Hướng thoát nước: tổ chức các tuyến cống tập trung về kênh Tân Hóa - Lò Gốm và kênh Tàu Hũ - Bến Nghé.

- Thông số kỹ thuật mạng lưới:

+ Hệ thống thoát nước sử dụng cống tròn, hoặc cống hộp BTCT đặt ngầm. Kích thước biến đổi từ Ø1000 đến B2400x2400.

+ Độ sâu chôn cống tối thiểu H_c = 0,70m; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống.

* Lưu ý:

- Với những tuyến cống chính thuộc các dự án giải quyết ngập cho khu vực đề nghị quản lý theo những thông số cụ thể đã được duyệt theo các dự án nêu trên.

- Với cống thoát nước đề xuất quy hoạch mới: Vị trí, các thông số kỹ thuật chi tiết cũng như phân đoạn đầu tư xây dựng, đề nghị trong các giai đoạn thiết kế đầu tư xây dựng cụ thể sẽ hoàn chỉnh đảm bảo sự phù hợp với điều kiện hiện trạng và kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

6.3. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng (Quy hoạch cấp điện):

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Sinh hoạt: 1500 ÷ 2500 kwh/người/năm.

+ Điện công cộng dịch vụ thường mại 80% ÷ 90% điện sinh hoạt.

- Nguồn cấp điện cho quận 11:

+ Giai đoạn đến năm 2015: tăng cường công suất trạm 110/15-22KV hiện hữu Chợ Lớn lên 3x63MVA, xây dựng mới trạm 110/22KV Đầm Sen 2x63MVA. Theo điều chỉnh quy hoạch chung dự kiến xây dựng trạm 220/110KV Đầm Sen thuộc địa bàn quận 11.

+ Giai đoạn 2010: tăng cường công suất trạm 110/15-22KV Trường Đua lên 3x63MVA.

+ Các trạm 110/15-22KV xây dựng mới được sử dụng loại trạm GIS.

- Lưới truyền tải 220KV: đến năm 2015 dự kiến xây mới tuyến cáp ngầm 220KV từ trạm 500/220KV Phú Lâm đi dọc đường Kinh Dương Vương và đường kênh Tân Hóa nối đến trạm 220KV Đầm Sen và từ trạm Đầm Sen theo đường Lạc Long Quân đến trạm 220/110KV Tân Sơn Nhất, Hiệp Bình Phước.

- Lưới truyền tải 110KV: đến năm 2015 dự kiến thay thế đường dây 110KV Phú

Lâm - Chợ Lớn chạy dọc Kinh Dương Vương thành cáp ngầm. Xây dựng mới tuyến cáp ngầm 110KV nối trạm Đầm Sen và trạm Chợ Lớn và tuyến 110KV nối trạm Trường Đua với trạm Bà Quẹo. Riêng các tuyến 110K hiện hữu dần được cải tạo ngầm phù hợp với mỹ quan đô thị nhưng phải đảm bảo an toàn lưới điện cao áp.

- Xây dựng mới các trạm biến thế 15-22/0,4KV dùng máy biến thế 3 pha công suất ≥ 400KVA, đặt trong nhà, trạm phòng, trạm compact. Các trạm hiện hữu loại đặt trên giàn, trên nền, treo trên trụ sẽ được tháo gỡ và thay thế dần bằng loại trạm đơn thân, trạm Kiosk để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

- Mạng trung thế 15KV hiện hữu sẽ được nâng cấp cải tạo và thay thế bằng cáp ngầm 24KV đồng bộ với việc cải tạo mở rộng đường giao thông và chỉnh trang đô thị; Tháo gỡ các đoạn và nhánh rẽ không phù hợp.

- Xây dựng mới các tuyến 22KV xuất phát từ trạm 110KV dẫn dọc theo các trục đường giao thông dùng cáp đồng bọc XLPE-24KV chôn ngầm.

6.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố, dựa vào các tuyến ống cấp nước máy thuộc Nhà máy nước Thủ Đức, Nhà máy nước ngầm Hóc Môn và Nhà máy nước sông Sài Gòn.

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt : 180 lít/người/ngày.

- Chỉ tiêu cấp nước công nghiệp : 40 m^3/ha/ngày.

- Tổng nhu cầu dùng nước : $Q_{max\ 2015}$ = 108.560 m^3/ngày.

$Q_{max\ 2020}$ = 112.000 m^3/ngày.

- Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 40 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 3 đám cháy.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Các tuyến ống hiện trạng được cập nhật và các tuyến ống được thiết kế mới phù hợp với định hướng quy hoạch chung cấp nước thành phố. Đấu nối mạng lưới bên trong khu quy hoạch với các tuyến ống cấp I hiện trạng và xây dựng mới

+ Thiết kế mạng lưới theo mạng vòng với nguyên tắc mạng lưới phải bao trùm được các điểm tiêu thụ, các tuyến ống chính đặt theo các đường phố lớn, ống nhánh nối vào ống chính phân phối nước cấp tới từng khu chức năng, nơi tiêu thụ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa trên các tuyến ống cấp nước có đường kính

từ Φ100 ÷ Φ300 bố trí các trụ lấy nước chữa cháy với bán kính phục vụ 150m. Ngoài ra, xây dựng thêm 01 điểm lấy nước mặt trên hồ Đầm Sen dự trữ khi có sự cố cháy.

6.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn (Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường):

6.5.1. Thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt : 180 lít/người/ngày.

- Chỉ tiêu thoát nước công nghiệp : 40 m^3/ha/ngày.

- Tổng lượng thoát nước thải : $Q_{max\ 2015}$ = 88.239 m^3/ngày.

$Q_{max\ 2020}$ = 88.089 m^3/ngày.

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Sử dụng hệ thống cống thoát nước thải chung để thu gom nước thải. Nước thải phân tiểu cần phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thoát ra hệ thống cống.

+ Nước thải sinh hoạt:

* Giai đoạn đầu: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn TCVN 7222-2002 và QCVN 08:2008/BTNMT mới được thoát ra môi trường tự nhiên.

* Giai đoạn dài hạn, nước thải sẽ được tách dòng và thu gom đưa về 02 Nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố đặt tại xã Bình Hưng và xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh.

+ Nước thải công nghiệp: Nước thải sau khi xử lý phải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra cống thoát nước chung.

6.5.2. Vệ sinh môi trường:

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt : 1,2 kg/người/ngày.

- Chỉ tiêu rác thải công nghiệp : 0,5 tấn/ha/ngày.

- Tổng lượng rác thải : W_{2015}= 299 tấn/ngày.

W_{2020}= 300 tấn/ngày.

- Phương án xử lý rác thải: Rác thải sinh hoạt phải được phân loại và đưa đến trạm ép rác kín. Sau đó vận chuyển đưa về các khu liên hợp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

- Trong các khu công trình công cộng cần phải bố trí nhà vệ sinh công cộng.

6.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Mạng lưới đường dây, đường ống có thể thay đổi và bố trí cụ thể hơn trong các bước thiết kế chi tiết tiếp theo và phải tuân thủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

7. Các điểm lưu ý khác:

- Hồ sơ đồ án này được lập theo nội dung Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và lập trước ngày 20 tháng 9 năm 2010 (ngày hiệu lực của Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị).

- Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 mang tính định hướng phát triển không gian và quy hoạch tổng mặt bằng cho quận 11 trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch chung thành phố 2025 và nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 được duyệt.

- Về các nội dung liên quan đến quỹ đất cây xanh tập trung xác định theo các đồ án quy hoạch chi tiết các khu chức năng đã có pháp lý phê duyệt, đề nghị Ủy ban nhân dân quận 11 có rà soát và cập nhật để đưa vào quản lý cùng các giải pháp đầu tư theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 6737/UBND-ĐTMT ngày 30 tháng 10 năm 2008.

- Đối với các khu vực đang trong quá trình nghiên cứu thực hiện quy hoạch (chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc chỉ có chấp thuận chủ trương) và các nội dung thay đổi so với Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, chưa thể cập nhật vào nội dung Quyết định phê duyệt này, sẽ được rà soát cập nhật và điều chỉnh cục bộ trong quá trình thực hiện quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 tại khu vực (quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Trường đua Phú Thọ, phường 15, quận 11,…).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 11, Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, Viện Quy hoạch xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng và phải đảm bảo phù hợp quy chuẩn, quy định của các số liệu trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

- Trên cơ sở nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng được duyệt, giao Ủy ban nhân dân quận 11 chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Viện

Quy hoạch xây dựng tổ chức lập Quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị và Ban hành Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 được duyệt; đồng thời rà soát và triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, thiết kế đô thị để cụ thể hóa đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung của đô thị và các dự án đầu tư xây dựng.

- Ủy ban nhân dân quận 11 có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Viện Quy hoạch xây dựng tổ chức công bố, công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 theo quy định tại Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Lập danh mục các dự án, chương trình đầu tư, các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo thứ tự ưu tiên nhằm hiện thực hóa đồ án quy hoạch chung xây dựng.

- Cập nhật, rà soát đối với các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị 1/2.000 đã được duyệt, các đồ án đang điều chỉnh cũng như các khu chức năng chuyển đổi (nếu được sự chấp thuận của cấp thẩm quyền) để có cân đối tính toán bổ sung đủ các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đã xác định, các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy mô dân số đến năm 2020.

- Phối hợp chặt chẽ cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải để có thống nhất về việc quản lý, san lấp các kênh rạch tại khu vực. Tại các sông rạch, tuyến kênh mương giữ lại, việc tổ chức các công trình hạ tầng, các tuyến đường dọc kênh, các khoảng cách ly trồng cây,… cần tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Về tổ chức giao thông, cắm mốc các tuyến đường cần được đối chiếu và khớp nối với các dự án xung quanh khu vực đã có pháp lý phê duyệt, cũng như các dự án đang triển khai…

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và

Du lịch, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 11, Giám đốc Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Viện Quy hoạch xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng